

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN



RUBRICS TRONG DẠY HỌC DÙNG CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC

(CTĐT được ban hành kèm theo quyết định số/QĐ-ĐHTN, ngày tháng 09 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

ĐẮK LẮK, 08/2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
KHOA KHTN & CN



RUBRICS TRONG DẠY HỌC DÙNG CHO CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC

(CTĐT được ban hành kèm theo quyết định số/QĐ-ĐHTN, ngày ... tháng 09 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

ĐẮK LẮK, 08/2021

1. LÝ SINH

TÊN HỌC PHẦN: LÝ SINH

Mã học phần: KC211016

Số tín chỉ: 2/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (30%, thực hiện theo rubrics số 3), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (30%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* **Phương pháp đánh giá:** PP quan sát, pp hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2, H3, H4	60 %	Tham gia ≥ 85 % số tiết	Tham gia 70 – 84 % số tiết	Tham gia 55 – 69 % số tiết	Tham gia 40 – 54 % số tiết	Tham gia < 40 % số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥ 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 – 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H2, H3, H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá</u> logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục thiếu hợp lý, <u>chữ nhỏ</u>	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	30 %	Trình bày $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70% – 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55% – 69% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40% – 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	
3. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng <u>ít</u> thuyết phục	Nói nhỏ, chưa tự tin, có giao lưu người nghe <u>nhưng không</u> thuyết phục	<u>Không</u> thuyết phục, <u>không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	30 %	Trả lời được $\geq 85\%$ các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70% – 84% câu hỏi	Trả lời được trên 55% – 69% câu hỏi	Trả lời được 40% – 54% câu hỏi	Trả lời được < 40% câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 – 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H1, H2, H3, H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa</u> phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành viên báo cáo</u>	Không thể hiện sự phân công công việc trong nhóm; Chỉ một thành viên báo cáo	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài kiểm tra viết (kết hợp tự luận, trắc nghiệm và trả lời ngắn)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - 84% nội dung	Trình bày đúng trên 55 % - 69 % nội dung	Trình bày đúng 40 - 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40 % nội dung yêu cầu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
				yêu cầu	yêu cầu			
3. Liên hệ thực tiễn	H1, H2, H3, H4	20 %	Liên hệ đúng, giải thích trọn vẹn vấn đề thực tiễn có liên quan, có tính logic cao;	Liên hệ đúng, giải thích được nhưng chưa trọn vẹn vấn đề thực tiễn liên quan	Liên hệ đúng, chưa giải thích được vấn đề thực tiễn liên quan	Chỉ mô tả lại các gợi ý từ bài giảng, không giải thích được mối liên hệ	Không thể chỉ ra các vấn đề thực tiễn liên quan	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức cơ bản;	H1, H2, H3, H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu \geq 85% theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% - 84% theo đáp án;	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% - 69% theo đáp án;	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40% - 54% theo đáp án;	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu;	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
2. Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H1, H2, H3, H4	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ;	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng;	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể;	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Minh Trung

2. THỰC HÀNH LÝ SINH

TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH LÝ SINH

Mã học phần: KC211017

Số tín chỉ: 0/1 (LT/TH)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm/thực nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 - 10	7 - 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1	10 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 40 % - - 54 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp trên phòng TN)	H2, H3	30 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
3. Kết quả TN	H1, H2, H3, H4	40 %	Đầy đủ số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét/biện	Đầy đủ số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhận xét/biện	Đầy đủ bảng số liệu; xử lý số liệu/vẽ đồ thị chưa đúng, nhận xét/biện	<u>Chưa đầy đủ số liệu, chưa xử lý số liệu/vẽ đồ thị</u>	<u>Không có số liệu</u>	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 - 10	7 - 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			luận đầy đủ, logic	luận <u>đầy đủ</u> , <u>chưa logic</u>	luận chưa liên hệ số liệu			
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 69 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - 54 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. **Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Minh Trung

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã học phần: NL213706

Số tín chỉ: 1/1 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (30%), Bài tập nhóm (20%), Tiểu luận (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Thi kết thúc học phần

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H7	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H7	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo bài tập Nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H7	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ,	Trình bày câu trả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4 H5 H6	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H7	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H7	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm	H7	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân	Có một số thành viên báo cáo và phân	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công	Có sự phân công công việc chuẩn bị	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
(sự đóng góp của các thành viên)			chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	công rõ đóng góp của từng thành viên	rõ đóng góp của từng thành viên	khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo		

3. Rubric báo cáo tiểu luận

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H7	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ,	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4 H5 H6	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	câu			thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H7	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H7	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H7	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

4. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1.Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4 H5 H6	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2.Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	
3.Hình thức trình bày	H7	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Nguyễn Phương Đại Nguyên

4. SINH HỌC THỰC VẬT

TÊN HỌC PHẦN: SINH HỌC THỰC VẬT

Mã học phần: KC211705

Số tín chỉ: 03 (2/1)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Semina/ thảo luận nhóm (10%), Thí nghiệm, thực hành (70%), Bài kiểm tra định kỳ (10%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài thi kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H5	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H4 H5	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H4	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự	H3 H5	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
đóng góp của các thành viên)			báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	góp của từng thành viên	từng thành viên	nhưng chỉ có một thành viên báo cáo		

2. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H3	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4 H5	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H4	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4 H5	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4 H5	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4 H5	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	
3. Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Nguyễn Hữu Kiên

5. SINH HỌC ĐỘNG VẬT

TÊN HỌC PHẦN: SINH HỌC ĐỘNG VẬT

Mã học phần: KC211706

Số tín chỉ: 03 (2/1)

1. RUBRICS ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp)

Tiêu chí đánh giá	CD R HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1.Mức tham dự độ theo TKB	H1, H2, H4	50%	Tham dự > 90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70- 80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
2. Mức độ tham gia các hoạt động học tập	H1, H2, H4	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

2. RUBRICS ĐÁNH GIÁ TRÌNH BÀY THỰC HÀNH PHÒNG THÍ NGHIỆM

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, bài báo cáo thực hành

Tiêu chí đánh giá	CD R HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	

			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Chuẩn bị lý thuyết	H1, H2, H3, H4	10%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi.	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi.	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi.	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi.	
2. Thao tác thực hành	H2, H3, H4	50%	Thực hiện đúng quy trình thực hành, thao tác tốt, gọn gàng.	Thực hiện đúng quy trình thực hành, thao tác tốt nhưng chưa gọn gàng.	Thực hiện đúng quy trình thực hành, thao tác chưa tốt.	Chưa thực hiện đúng quy trình thực hành.	
3. Kết quả bài thực hành	H1, H2, H4	40%	Kết quả TH đúng và trả lời đúng các yêu cầu.	Kết quả TH đúng và trả lời các yêu cầu đúng trên 70%	Kết quả TH đúng và trả lời các yêu cầu đúng trên 50%	Kết quả TH sai hoặc trả lời các yêu cầu đúng dưới 50%	

3. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI KIỂM TRA-VIẾT-GIỮA KỲ/BÀI KIỂM TRA ĐIỂM BỘ PHẬN

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐ R HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Trình bày	H1, H2, H3	20%	Đẹp, súc tích, không lỗi chính tả	Khá đẹp, khá súc tích, có 1-2 lỗi chính tả, mô tả kết quả chưa rõ ràng	Tương đối súc tích Còn lỗi chính tả, không mô tả được kết quả bài toán	Nhiều lỗi chính tả, không súc tích, không đáp ứng yêu cầu tối thiểu	
2. Lập luận	H1, H2,	40%	Lập luận logic.	Lập luận logic, chưa đầy đủ.	Có lập luận, chưa logic.	Lập luận sai, không lập luận.	

	H3						
3. Kết quả bài kiểm tra	H1, H2, H3	40%	Kết quả đúng, đầy đủ.	Kết quả đúng đến 85%.	Kết quả đúng đến 70%.	Kết quả dưới 40%.	

4. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT (ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT/ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN)

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết

Tiêu chí đánh giá	CĐ R HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
Nội dung trả lời	H1, H2, H3, H4	100%	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu.	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu.	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần của đề cương chi tiết.

Đắc Lắc, ngày 04 tháng 08 năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Bùi Thị Quỳnh Hoa

6. SINH THÁI

TÊN HỌC PHẦN: SINH THÁI

Mã học phần: KC212410

Số tín chỉ: 02 (2/0)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập nhóm (20%), Bài kiểm tra định kỳ (70%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo bài tập nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	

giá			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H3 H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3 H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của	H3 H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
các thành viên)			hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.		thành viên	báo cáo		

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3 H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H2	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

4. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H2	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
					học	liệu/minh chứng		
3.Hình thức trình bày	H3 H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

Phạm Hữu Khánh

Trần Thị Phương Hạnh

Nguyễn Phương Đại Nguyên

7. SINH LÝ THỰC VẬT

TÊN HỌC PHẦN: SINH LÝ THỰC VẬT

Mã học phần: KC212419

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H5	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	

giá			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H4 H5	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H4	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành	H3 H5	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
viên)			viên trong nhóm rõ ràng.					

3. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H3	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4 H5	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H4	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70 %	Trình bày đúng \geq 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4 H5	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4 H5	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4 H5	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3.Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN&CN

BỘ MÔN SINH HỌC

GIẢNG VIÊN

TS. Phạm Hữu Khánh

ThS. Nguyễn Thị Thu

TS. Trần Thị Phương Hạnh

8. SINH HỌC TẾ BÀO

TÊN HỌC PHẦN: SINH HỌC TẾ BÀO

Mã học phần: KC212405

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (20%) gồm: Chuyên cần (25%), Thảo luận nhóm (25%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (80%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC THẢO LUẬN NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H4	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
3. Hình thức bài báo cáo	H4	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H4	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	

			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H4	80%	Trả lời đạt 85%–100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%– 64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	
2. Cách trình bày	H1-H4	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H3	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết nhiều từ chuyên môn	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H4	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%– 64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	
2. Cách trình bày	H4	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H4	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết nhiều từ	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
						chuyên môn	chuyên môn	

Đắk Lắk, ngày..... tháng.....năm 2021

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. PHẠM HỮU KHÁNH

TS. TRẦN THỊ PHƯƠNG HẠNH

ThS. TRƯƠNG BÁ PHONG

9. Hóa sinh

TÊN HỌC PHẦN: HÓA SINH

Mã học phần: KC212008

Số tín chỉ: 02 (2/0)

1. RUBRICS ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp)

Tiêu chí đánh giá	CĐ R HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Mức tham dự độ theo TKB	H1, H2	50%	Tham dự > 90% buổi học.	Tham dự 80-90% buổi học.	Tham dự 70- 80% buổi học.	Tham dự <70% buổi học.	
2. Mức độ tham gia các hoạt động học tập	H1 H2 H3	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi.	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi.	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

2. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp đánh giá sản phẩm

* Công cụ/ hoạt động đánh giá: Báo cáo

Tiêu chí	CĐR HP	Trọng	Mô tả mức chất lượng	Điểm
----------	--------	-------	----------------------	------

đánh giá		g số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Hình thức báo cáo	H1 H2 H3	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả, không đúng mẫu.	
2. Kỹ năng trình bày	H1 H2 H3	20%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe.	Nói rõ, tự tin.	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe.	
3. Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	H1 H2 H3	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu.	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu.	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi.	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi.	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi.	
5. Tham gia thực hiện	H1 H2 H3	10%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	

3. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI KIỂM TRA-VIẾT-GIỮA KỲ/BÀI KIỂM TRA ĐIỂM BỘ PHẬN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐ R HP	Trọng g số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	

1. Trình bày	H1 H2 H3	20%	Đẹp, súc tích, không lỗi chính tả.	Khá đẹp, khá súc tích, có 1-2 lỗi chính tả, mô tả kết quả chưa rõ ràng.	Tương đối súc tích Còn lỗi chính tả, không mô tả được kết quả bài toán.	Nhiều lỗi chính tả, không súc tích, không đáp ứng yêu cầu tối thiểu.	
2. Lập luận	H1 H2 H3	40%	Lập luận logic.	Lập luận logic, chưa đầy đủ.	Có lập luận, chưa logic.	Lập luận sai, không lập luận.	
3. Kết quả bài kiểm tra	H1 H2 H3	40%	Kết quả đúng, đầy đủ.	Kết quả đúng đến 85%.	Kết quả đúng đến 70%.	Kết quả dưới 40%.	

4. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT (ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT/ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN)

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết

Tiêu chí đánh giá	CĐ R HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
Nội dung trả lời	H1 H2 H3	100%	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu.	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu.	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần của đề cương chi tiết.

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 08 năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Văn Bốn

10. Thực hành hóa sinh

TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH HÓA SINH

Mã học phần: KC212011

Số tín chỉ: 01 (0/1)

1. RUBRICS ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp)

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Mức tham dự độ theo TKB	H1 H2 H3	50%	Tham dự > 90% buổi học.	Tham dự 80- 90% buổi học.	Tham dự 70- 80% buổi học.	Tham dự <70% buổi học.	
2. Mức độ tham gia các hoạt động học tập	H1 H2 H3	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi.	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi.	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

2. RUBRIC ĐÁNH GIÁ TRÌNH BÀY THỰC HÀNH PHÒNG THÍ NGHIỆM

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H3	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4 H5	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H4	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

3. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp đánh giá sản phẩm

* **Công cụ/ hoạt động đánh giá:** Báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	

1. Hình thức báo cáo	H1, H2, H3	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả, không đúng mẫu.	
2. Kỹ năng	H1, H2, H3	20%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe.	Nói rõ, tự tin.	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe.	
3. Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	H1, H2, H3	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu.	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu.	Đáp ứng 50%- 70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi.	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi.	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi.	
5. Tham	H1, H2, H3	10%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số **8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết .

Đắc Lắc, ngày 04 tháng 08 năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Văn Bốn

11. Sinh học phân tử

TÊN HỌC PHẦN: SINH HỌC PHÂN TỬ

Mã học phần: KC212732

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (20%) gồm: Chuyên cần (20%), Bài tập nhóm (15%), Bài tập cá nhân (15%); Bài kiểm tra định kỳ (50%)
- Điểm thi kết thúc HP (80%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm tra (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2, H4	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	6
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H2, H3, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	4

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H3, H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H3-H4	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	2
3. Hình thức bài báo cáo	H3, H4	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa	2

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
				chưa đẹp.	đẹp.	hợp lí, chưa đẹp.	đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H3, H4	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	2

3. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, hoàn thành nhiệm vụ được giao

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo cá nhân

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H2, H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H2-H4	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lôi cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	2
3. Hình thức bài báo cáo	H2, H4	40 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	4

4. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức/lý thuyết (1 câu lý thuyết)	H2, H3	50 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng $\leq 54\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	5
2. Kỹ năng tính toán/liên hệ thực tế (1 câu)	H4	50 %	Viết đúng tất cả các công thức, $\geq 85\%$ kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức	Viết đúng $< 2/3$ số công thức	5

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài thi viết (tự luận) gồm 2 câu hỏi, rubrics mỗi câu được tính như sau:

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Tiêu chí 1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H4	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 70% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 55%– 69% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 40% - 54% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt < 40% các nội dung đề bài yêu cầu.	8
Tiêu chí 2. Cách trình bày	H1-H4	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	1

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Tiêu chí 3. Lỗi chính tả	H1-H4	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai nhiều từ chuyên môn	1

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Thị Thanh

12. Thực hành sinh học phân tử

TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SINH HỌC PHÂN TỬ

Mã học phần: KC212007

Số tín chỉ: 0/1(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (100%) gồm: Chuyên cần (40%), Thực hành, thí nghiệm (40%), Bài tập cá nhân (20%);

- Thi kết thúc học phần: seminar

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm tra (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2,H3, H4	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	6
2. Hoạt động tích cực trên lớp (Tham gia tích)	H2, H3, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	4

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>cực xây dựng bài, phát biểu ý kiến, ...)</i>								

2. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, hoàn thành nhiệm vụ được giao

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo cá nhân hoặc sản phẩm thực tập

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức/lý thuyết	H4	50 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng ≤ 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu	5

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
							hỏi	
2. Kỹ năng tính toán/liên hệ thực tế	H3, H4	50 %	Viết đúng tất cả các công thức, $\geq 85\%$ kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức	Viết đúng < 2/3 số công thức	5

3. RUBRIC thực hành

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1, H4	20 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 40 % - - 54 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp)	H2, H3, H4	20 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
trên phòng TN)								
3. Kết quả TN	H4	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu , xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét <u>chưa đầy đủ, chưa thấu đáo</u>	Đầy đủ bảng số liệu <u>nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị</u>	<u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	<u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, <u>chưa có xử lý số liệu</u>	
4. Trả lời câu hỏi	H4	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 69 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - 54 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: pp phỏng vấn, thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá</u> logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, <u>chữ nhỏ,</u>	Trình bày <u>cẩu thả</u> , đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1-H4	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày <u>khá</u> đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 - < 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % -% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40 % - 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
3. Kỹ năng trình bày	H1-H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	<u>Không thuyết phục, không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H4	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % - 84 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % - 69 % câu hỏi	Trả lời được 40 - 54 % câu hỏi	Trả lời được < 40 % câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa phân công</u> rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành</u>	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			<i>giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.</i>			<u><i>viên báo cáo</i></u>		

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Thị Thanh

13. Vi sinh vật

TÊN HỌC PHẦN: VI SINH VẬT
Mã học phần: KC212735
Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (40%), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kì (30%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* **Phương pháp đánh giá:** PP quan sát, pp hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H5	60%	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học <20% tổng số tiết	Vắng học từ 20% < 40% tổng số tiết	Vắng học từ 40% < 60% tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2-3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Nội dung đáp ứng 85%-100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70%-84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55%-69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H3, H5	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	
3. Hình thức bài báo cáo	H3, H5	20%	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lý, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lý, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lý và chưa đẹp.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H3	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3	10%	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác.	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác.	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác.	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4, H5	90%	Trình bày đúng ≥85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70%-84% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55%-69% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 40%-54% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40% nội dung yêu cầu	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
Kiến thức cơ bản;	H1,H2	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu $\geq 85\%$ theo đáp án.	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70%-84% theo đáp án.	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55%-69% theo đáp án.	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40%-54% theo đáp án.	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu.	
Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H4,H5	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng.	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan.	
Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc.	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ.	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ.	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng.	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể.	

Ngày ... tháng ... năm 2021

Trưởng khoa
(biên soạn)

Trưởng Bộ môn
(biên soạn)

Giảng viên xây dựng Rubrics

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Đoàn Chiến Thắng

14. Thực hành vi sinh

TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH VI SINH

Mã học phần: KC212736

Số tín chỉ: 0/1(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (50%), Thực hành (50%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi - đáp

Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, làm thí nghiệm, hoạt động thực hành nhóm), phiếu ghi chép thường xuyên, rubrics, hệ thống câu hỏi.

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
1. Thái độ học tập	H4, H5	30 %	Đi học đầy đủ, đúng giờ, chấp hành quy định của PTN, rất tích cực làm thí nghiệm, báo cáo đầy đủ kết quả thí nghiệm.	Đi học đầy đủ, đúng giờ, chấp hành quy định của PTN, khá tích cực làm thí nghiệm, có báo cáo kết quả thí nghiệm.	Đi học đầy đủ, chấp hành quy định của PTN, có làm thí nghiệm, có báo cáo kết quả thí nghiệm	Đi học đầy đủ, chưa chấp hành quy định của PTN, ít làm thí nghiệm, có báo cáo kết quả thí nghiệm.	Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu.	
2. Kỹ năng thực hành	H1, H2, H3	50%	Thao tác phân tích chính xác theo hướng dẫn.	Thao tác phân tích khá chính	Thao tác phân tích theo hướng dẫn. Vận hành được	Thao tác phân tích chưa theo hướng dẫn.	Không đáp ứng yêu cầu	

			Vận hành tốt thiết bị/mô hình thí nghiệm.	xác theo hướng dẫn. Vận hành được thiết bị/mô hình thí nghiệm.	thiết bị/mô hình thí nghiệm nhưng cần sự hướng dẫn của GV.	Vận hành được thiết bị/mô hình thí nghiệm nhưng cần sự hướng dẫn của GV và sự hỗ trợ của nhóm.	tối thiểu	
3. Mức độ hợp tác trong thực hành nhóm	H4, H5	20%	Rất tích cực hợp tác trong thực hành nhóm.	Khá tích cực hợp tác trong thực hành nhóm.	Có tham gia thực hành nhóm nhưng chưa tích cực.	Ít tham gia thực hành nhóm và không tích cực.	Không hợp tác trong thực hành nhóm.	

2. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI BÁO CÁO THỰC HÀNH

* **Phương pháp đánh giá:** phương pháp đánh giá sản phẩm

* **Công cụ đánh giá:** rubrics, bảng kiểm, bài báo cáo thí nghiệm.

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
1. Hình thức trình bày (viết tay)	H1, H2, H3, H4, H5	30%	Trình bày đẹp, rõ ràng, đúng bố cục GV yêu cầu.	Trình bày chưa đẹp, rõ ràng, đúng bố cục GV yêu cầu.	Trình bày chưa đẹp, chưa rõ ràng, đúng bố cục GV yêu cầu.	Trình bày chưa đẹp, chưa rõ ràng, chưa đúng bố cục GV yêu cầu.	Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu.	
2. Xử lý số liệu	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt.	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá.	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu gần đúng.	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu sai.	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
							và không biết xử lý số liệu.	
3. Kết quả TN và trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4, H5	30%	Biện luận, giải thích chính xác kết quả thí nghiệm và trả lời đúng các câu hỏi.	Biện luận, giải thích khá phù hợp với kết quả thí nghiệm và trả lời đúng 70 % nội dung câu hỏi.	Biện luận, giải thích phù hợp với kết quả thí nghiệm và trả lời đúng 50 % nội dung câu hỏi.	Biện luận, giải thích sai so với kết quả thí nghiệm và trả lời đúng dưới 50 % nội dung câu hỏi.	Không biện luận, giải thích kết quả thí nghiệm và trả lời đúng dưới 30% nội dung câu hỏi.	

3. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VẤN ĐÁP KẾT THÚC HỌC PHẦN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp hỏi đáp

* Công cụ đánh giá: Câu hỏi

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
1. Kiến thức	H1, H2, H3, H4, H5	50 %	Hiểu và trình bày rất chính xác: cách lấy mẫu, nguyên lý, cách tiến hành thí nghiệm và công thức tính.	Hiểu và trình bày khá chính xác: cách lấy mẫu nguyên lý, cách tiến hành lấy mẫu, cách tính kết quả.	Có hiểu và trình bày được: cách lấy mẫu nguyên lý, cách tiến hành lấy mẫu, cách tính kết quả.	Trình bày chưa đúng cách lấy mẫu nguyên lý, cách tiến hành lấy mẫu, cách tính kết quả.	Không trình bày được.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
2. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4, H5	30 %	Trả lời chính xác khoảng >90%.	Trả lời chính xác khoảng >70%.	Trả lời chính xác khoảng 40-60%.	Trả lời chính xác khoảng <40%.	Trả lời hoàn toàn sai.	
3. Liên hệ thực tế	H1, H2, H3, H4, H5	20 %	Liên hệ thực tế đúng khoảng > 90%.	Liên hệ thực tế đúng khoảng >70%.	Liên hệ thực tế đúng khoảng 40-60%.	Liên hệ thực tế đúng khoảng <40%.	Không liên hệ được thực tế.	

**Trưởng khoa
(biên soạn)**

TS. Phạm Hữu Khánh

**Trưởng Bộ môn
(biên soạn)**

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Ngày ... tháng ... năm 2021
Giảng viên xây dựng Rubrics

TS. Đoàn Chiến Thắng

15. Di truyền

TÊN HỌC PHẦN: DI TRUYỀN HỌC

Mã học phần: KC212413

Số tín chỉ: 2.5/0.5 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Bài tập cá nhân (20%), Bài tập nhóm (20%), Bài thực hành (40%), Bài kiểm tra định kỳ (20%).

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRICS BÀI TẬP CÁ NHÂN

* **Phương pháp đánh giá:** Làm bài tập trắc nghiệm, bài tập vận dụng

* **Công cụ đánh giá:** Bài làm trên giấy của sinh viên/ Bài làm gửi qua email

RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP VẬN DỤNG

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Xác định tính chất trội/lặn của gene quy định tính trạng quan tâm	H1 H3	60 %	Xác định được tính chất trội/lặn dựa trên cơ sở: biểu hiện liên tục/ gián đoạn theo chiều dọc phả hệ, tính toán tỷ lệ cá thể mắc bệnh trong phả hệ. Phát hiện được một số trường hợp làm thay đổi phả hệ trong một vài gia đình nhỏ của phả hệ	Kết luận được tính chất trội/ lặn dựa trên biểu hiện liên tục/ gián đoạn theo chiều dọc phả hệ	Xác định được tính chất trội/ lặn của gene dựa tỷ lệ cá thể mắc bệnh trong phả hệ	Xác định được tính chất trội/ lặn của gene	Không xác định chính xác được tính chất trội/ lặn của gene	
2. Xác định vị	H1	40 %	Xác định được vị trí tương đối	Kết luận	Chỉ xác định	Xác định	Không xác	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
trí tương đối trong tế bào của gene quy định tính trạng quan tâm	H3		của gene quy định tính trạng quan tâm bằng cách kết hợp nhiều phương pháp: nhận diện quy luật di truyền đặc trưng, phương pháp loại trừ, phương pháp trung bình,...	được vị trí tương đối của gene quy định tính trạng quan tâm bằng một trong các phương pháp	được vị trí tương đối của gene quy định tính trạng quan tâm dựa trên các dấu hiệu đặc trưng của phá hệ	vị trí tương đối của gene quy định tính trạng	định được chính xác vị trí tương đối của gene	
3. Đưa ra lời khuyên di truyền	H1 H3		Tính toán được chính xác khả năng mắc bệnh hoặc sinh con bệnh của đương sự. Từ đó đưa ra lời khuyên di truyền rõ ràng, sâu sắc cho đương sự.	Có thể tính toán được khả năng mắc bệnh hoặc sinh con bệnh của đương sự. Từ đó đưa ra lời khuyên di truyền nhưng ở mức không sâu sắc.	Chỉ tính toán được khả năng mắc bệnh hoặc sinh con bệnh của đương sự	Có thể đưa ra lời khuyên di truyền	Không đưa ra được lời khuyên di truyền một cách chính xác	

RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
Câu hỏi 1→20	H1 H3	40 %	Chọn đúng từ 17 đến 20 câu	Chọn đúng từ 14 đến dưới 17 câu	Chọn đúng từ 11 đến dưới 14 câu	Chọn đúng từ 8 đến dưới 14 câu	Chọn đúng từ 0 đến dưới 8 câu	

2. RUBRICS BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H2 H3 H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H2 H3 H4	20 %	- Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ	- Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ	- Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ	- Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn	- Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ,	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
			ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt.	ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định.	một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định.	chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định.	
3. Hình thức bài báo cáo	H2 H3 H4	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H2 H3 H4	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
			câu hỏi.					

3. RUBRICS KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Câu hỏi 1 → 40	H1 H2 H3	100 %	Chọn đúng từ 34 đến 40 câu	Chọn đúng từ 28 đến dưới 34 câu	Chọn đúng từ 22 đến dưới 28 câu	Chọn đúng từ 16 đến dưới 22 câu	Chọn đúng từ 0 đến dưới 16 câu	

4. RUBRICS BÀI THỰC HÀNH

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐ R học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H5	20 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 40 % - - 54 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp trên phòng TN)	H5	20 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, xác định chính xác đối tượng	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, xác định đúng đối tượng nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, xác định đối tượng khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, xác định đối tượng chưa chính xác	Không xác định được đối tượng	
3. Kết	H5	40 %	Hình ảnh thu được	Hình ảnh thu	Thu được hình	<u>Chưa đầy đủ</u>	<u>Chưa đầy đủ</u>	

Tiêu chí đánh giá	CD R học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
quả TN			đẹp, rõ nét. Bảng kết quả đầy đủ, rõ ràng. Giải thích đầy đủ, thấu đáo kết quả thí nghiệm.	đẹp, rõ nét. Bảng kết quả đầy đủ, rõ ràng. Giải thích kết quả thí nghiệm <u>chưa đầy đủ, chưa thấu đáo</u>	ảnh, số liệu đầy đủ nhưng chưa có giải thích kết quả.	hình ảnh, số liệu đầy đủ và giải thích kết quả.	hình ảnh, số liệu.	
4. Trả lời câu hỏi	H5	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 69 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - 54 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

5. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CD R học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H5	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng $\leq 54\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	
2. Kỹ năng giải thích, phân tích, tính toán	H1 H2 H3 H5	30 %	Viết đúng tất cả các công thức, $\geq 85\%$ kết quả cuối cùng đúng. Phân tích, giải thích vấn đề sâu sắc, có phần mở rộng vấn đề.	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng. Phân tích, giải thích vấn đề khá sâu sắc, đúng trọng tâm.	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng. Phân tích, giải thích đầy đủ, đúng trọng tâm vấn đề.	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức. Phân tích, giải thích chưa đúng trọng tâm.	Viết đúng $< 2/3$ số công thức. Không phân tích, giải thích được vấn đề.	

ĐẮk LẮk, ngày.....tháng.....năm 20.....

Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

Bộ môn Sinh học

Giảng viên

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Phạm Thị Phương

16. Công nghệ sinh học

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Mã học phần: KC213423

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập nhóm (50%), Bài tập cá nhân (40%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm tra (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>1. Thời gian tham dự trên lớp</i>	H1, H2, H3	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	6
<i>2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)</i>	H2, H3	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	4

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H3, H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H3-H5	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	2
3. Hình thức bài báo cáo	H3, H4	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa	2

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
				chưa đẹp.	đẹp.	hợp lí, chưa đẹp.	đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H3, H5	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	2

3. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, hoàn thành nhiệm vụ được giao

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo cá nhân

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H2, H4, H5	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H1-H5	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lôi cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	2
3. Hình thức bài báo cáo	H2, H4	40 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	4

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài thi viết (tự luận) gồm 2 câu hỏi, rubrics mỗi câu được tính như sau:

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Tiêu chí 1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H3	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 70% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 55%– 69% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 40% - 54% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt < 40% các nội dung đề bài yêu cầu.	8
Tiêu chí 2. Cách trình bày	H1-H3	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	1

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Tiêu chí 3. Lỗi chính tả	H1-H3	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai nhiều từ chuyên môn	1

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Thị Thanh

17. Kỹ thuật phân tích tế bào

TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT PHÂN TÍCH TẾ BÀO

Mã học phần: KC212006

Số tín chỉ: 01(0/1)

1. Rubrics đánh giá chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, PP hỏi - đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (Thái độ học tập, kỹ năng thực hành, hoạt động thực hành nhóm), câu hỏi.

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
1. Thái độ học tập	H3, H4	30 %	<i>Đi học đầy đủ, đúng giờ, chấp hành quy định của PTN, rất tích cực làm thí nghiệm, báo cáo đầy đủ kết quả thí nghiệm</i>	<i>Đi học đầy đủ, đúng giờ, chấp hành quy định của PTN, khá tích cực làm thí nghiệm, có báo cáo kết quả thí nghiệm</i>	<i>Đi học đầy đủ, chấp hành quy định của PTN, có làm thí nghiệm, có báo cáo kết quả thí nghiệm</i>	<i>Đi học đầy đủ, chưa chấp hành quy định của PTN, ít làm thí nghiệm, có báo cáo kết quả thí nghiệm</i>	<i>Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu</i>	
2. Kỹ năng thực hành	H1,H2,H3	30%	<i>Luôn luôn thực hiện chính xác các thao tác tiến hành thí nghiệm theo hướng dẫn.</i>	<i>Phần lớn thực hiện chính xác các thao tác tiến hành thí nghiệm theo hướng dẫn.</i>	<i>Thỉnh thoảng thực hiện chính xác các thao tác tiến hành thí nghiệm theo hướng dẫn.</i>	<i>Hiếm khi thực hiện chính xác các thao tác tiến hành thí nghiệm theo hướng dẫn.</i>	<i>Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu</i>	
3. Mức độ hợp tác trong	H4	20%	<i>Rất tích cực hợp tác trong thực hành</i>	<i>Khá tích cực hợp tác trong thực hành</i>	<i>Có tham gia thực hành nhóm nhưng chưa tích</i>	<i>Ít tham gia thực hành nhóm và không tích cực.</i>	<i>Không hợp tác trong thực hành</i>	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
<i>thực hành nhóm</i>			<i>nhóm</i>	<i>nhóm</i>	<i>cực</i>		<i>nhóm</i>	
4. Trả lời câu hỏi	<i>H2, H3</i>	<i>20 %</i>	<i>Trả lời chính xác khoảng >90%</i>	<i>Trả lời chính xác khoảng >70%</i>	<i>Trả lời chính xác khoảng 40-60%</i>	<i>Trả lời chính xác khoảng <40%</i>	<i>Trả lời hoàn toàn sai</i>	

2. Rubrics đánh giá kỹ năng thực hành

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	<i>H3</i>	<i>20 %</i>	<i>Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,</i>	<i>Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu</i>	<i>Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu</i>	<i>Trình bày 40 % -- 54 % tổng số nội dung yêu cầu</i>	<i>Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không</i>	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
				<i>câu</i>			<i>cung cấp được thông tin cần thiết</i>	
2. Thao tác thí nghiệm	H1, H2, H3	20 %	<i>Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh</i>	<i>Thực hiện đúng các bước thí nghiệm</i>	<i>Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, nhưng còn lúng túng, vụng về</i>	<i>Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm</i>	<i>Không thực hiện được thí nghiệm</i>	
3. Kết quả TN	H2, H3	40 %	<i>Hình vẽ đầy đủ, đẹp, chính xác và có nhận xét, ghi chú đầy đủ, thấu đáo</i>	<i>Hình vẽ đầy đủ, chính xác, nhưng nhận xét, ghi chú đôi chỗ còn thiếu</i>	<i>Hình vẽ đầy đủ, đôi chỗ còn sai, nhận xét, ghi chú chưa đầy đủ</i>	<i>Hình vẽ chưa đầy đủ và có nhận xét, ghi chú</i>	<i><u>Chưa đầy đủ hình vẽ, không có nhận xét, ghi chú</u></i>	
4. Trả lời câu hỏi	H3	20 %	<i>Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi</i>	<i>Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu</i>	<i>Trả lời đúng 55 - 69 % số câu</i>	<i>Trả lời đúng 40 % - 54 %</i>	<i>Trả lời đúng < 40 % số câu</i>	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
				<i>hỏi</i>	<i>hỏi</i>	<i>số câu hỏi</i>	<i>hỏi</i>	

3. Rubrics đánh giá bài báo cáo thực hành

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá sản phẩm

* Công cụ đánh giá: Rubrics đánh giá bài báo cáo thực hành với minh chứng là Cuốn báo cáo thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
2. Hình thức trình bày	<i>H4</i>	<i>30 %</i>	<i>Trình bày đẹp, rõ ràng, đúng bố cục GV yêu cầu.</i>	<i>Trình bày chưa đẹp nhưng rõ ràng, đúng bố cục GV yêu cầu</i>	<i>Trình bày chưa đẹp, chưa rõ ràng nhưng đúng bố cục GV yêu cầu</i>	<i>Trình bày chưa đẹp, chưa rõ ràng, chưa đúng bố cục GV yêu cầu</i>	<i>Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu</i>	
2. Mô tả, giải thích các hiện tượng	<i>H3</i>	<i>40 %</i>	<i>Luôn luôn mô tả, giải thích chính xác các hiện tượng</i>	<i>Phần lớn mô tả, giải thích chính xác các hiện tượng thực hành,</i>	<i>Mô tả đúng hiện tượng thực hành, thí nghiệm nhưng thỉnh thoảng giải</i>	<i>Mô tả đúng hiện tượng thực hành, thí nghiệm</i>	<i>Không bao giờ mô tả, giải thích chính xác</i>	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
<i>thực hành, thí nghiệm</i>			<i>thực hành, thí nghiệm.</i>	<i>thí nghiệm.</i>	<i>thích sai.</i>	<i>nhưng không biết giải thích.</i>	<i>các hiện tượng thực hành, thí nghiệm.</i>	
3. Kết quả TN và trả lời câu hỏi	H1, H2, H3	30 %	<i>Biện luận, giải thích chính xác kết quả thí nghiệm và trả lời đúng các câu hỏi</i>	<i>Biện luận, giải thích khá phù hợp với kết quả thí nghiệm và trả lời đúng 70 % nội dung câu hỏi</i>	<i>Biện luận, giải thích phù hợp với kết quả thí nghiệm và trả lời đúng 50 % nội dung câu hỏi</i>	<i>Biện luận, giải thích sai so với kết quả thí nghiệm và trả lời đúng dưới 50 % nội dung câu hỏi</i>	<i>Không biện luận, giải thích kết quả thí nghiệm và trả lời đúng dưới 30% nội dung câu hỏi</i>	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

Phạm Hữu Khánh

Trần Thị Phương Hạnh

Trần Thị Thanh Thảo

18. Sinh lý động vật

TÊN HỌC PHẦN: SINH LÝ ĐỘNG VẬT

Mã học phần: KC212706

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (20%) gồm: Chuyên cần (25%), Thảo luận nhóm (25%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (80%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* **Phương pháp đánh giá:** PP quan sát, pp hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>1. Thời gian tham dự trên lớp</i>	H6	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1-H6	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥ 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

3. RUBRIC THẢO LUẬN NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H1-H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
2. Kỹ năng trình bày	H5-H6	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	
3. Hình thức bài báo cáo	H5-H6	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H5	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
			hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	hiện sự kết nối trong nhóm.	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề</i>	H1-H5	80%	Trả lời đạt 85%–100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%– 64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>bài</i>						câu.		
2. Cách trình bày	H5, H6	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H5	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết nhiều từ chuyên môn	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H4	80%	Trả lời đạt 85%–100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%– 64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	
2. Cách trình bày	H5,H6	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H5	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			chuyên môn	chuyên môn	chuyên môn	một vài từ chuyên môn	nhiều từ chuyên môn	

Đắk Lắk, ngày..... tháng.....năm 2021

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. PHẠM HỮU KHÁNH

TS. TRẦN THỊ PHƯƠNG HẠNH

ThS. TRƯƠNG BÁ PHONG

19. Miễn dịch học

TÊN HỌC PHẦN: MIỄN DỊCH HỌC

Mã học phần: KC213429

Số tín chỉ: 2/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Đánh giá chuyên cần (10%); Bài tập nhóm (20%); Bài kiểm tra định kỳ (70%).

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1 H2 H4	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H4	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubric, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85%-100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H1 H2 H3 H4	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	
3. Hình thức bài báo	H1 H2 H3	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lý và	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
cáo	H4		ràng, đẹp.	ràng nhưng chưa đẹp.	chưa hợp lí, chưa đẹp.	bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	chưa đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H1 H2 H3 H4	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Câu hỏi 1 → 40	H1 H2 H3 H4	100 %	Chọn đúng từ 34 đến 40 câu	Chọn đúng từ 28 đến dưới 34 câu	Chọn đúng từ 22 đến dưới 28 câu	Chọn đúng từ 16 đến dưới 22 câu	Chọn đúng từ 0 đến dưới 16 câu	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubric, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng ≤ 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
2. Kỹ năng giải thích, phân tích	H1 H2 H3 H4	30 %	Phân tích, giải thích vấn đề sâu sắc, có phần mở rộng vấn đề.	Phân tích, giải thích vấn đề khá sâu sắc, đúng trọng tâm.	Phân tích, giải thích đầy đủ, đúng trọng tâm vấn đề.	Phân tích, giải thích chưa đúng trọng tâm.	Không phân tích, giải thích được vấn đề.	

Đắk Lắk, ngày.....tháng.....năm 20.....

Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

Bộ môn Sinh học

Giảng viên

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Vũ Bích Thủy

20. An toàn sinh học và đạo đức trong sinh học

TÊN HỌC PHẦN: AN TOÀN SINH HỌC VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG SINH HỌC

Mã học phần: KC212014

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1 H2 H3	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo bài tập nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	

			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H3 H4	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H4	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1 H2 H3 H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

4. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1.Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2.Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	
3.Hình thức trình bày	H1 H2 H3 H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần của đề cương chi tiết

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Trịnh Thị Huyền Trang

21. Tiến hóa và đa dạng sinh học

TÊN HỌC PHẦN: TIẾN HÓA VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

Mã học phần: KC213421

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (20%) gồm: Chuyên cần (25%), Thảo luận nhóm (25%), Bài kiểm tra định kì (50%)
- Điểm thi kết thúc HP (80%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* **Phương pháp đánh giá:** PP quan sát, pp hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

3. RUBRIC THẢO LUẬN NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H4, H5	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H4, H5	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	
3. Hình thức bài báo cáo	H5	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H4, H5	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H5	80%	Trả lời đạt 85%–100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%–64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
2. Cách trình bày	H1, H5 H6	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H4	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết nhiều từ chuyên môn	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	

			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H4	80%	Trả lời đạt 85%–100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%–64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	
2. Cách trình bày	H5	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H5	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết nhiều từ chuyên môn	

KHOA KHTN&CN

TRƯỜNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. PHẠM HỮU KHÁNH

TS. TRẦN THỊ PHƯƠNG HẠNH

ThS. TRƯƠNG BÁ PHONG

22. Sinh tin

TÊN HỌC PHẦN: SINH TIN

Mã học phần: KC211503

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 3 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric đánh giá thực hành

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR học	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	

	phần		8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác phân tích, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin/số liệu	H3	40 %	Thực hiện đúng các bước phân tích, thao tác phần mềm, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước phân tích, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước phân tích, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước phân tích, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả thực hành	H1 H2 H3	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Phân tích, biện luận kết quả	H3 H4	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			chính xác				xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H3 H4	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H3 H4	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	
3. Hình thức trình bày	H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN&CN

BỘ MÔN SINH HỌC

GIẢNG VIÊN

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Trần Minh Định

23. Genomics và proteomics

TÊN HỌC PHẦN: GENOMICS VÀ PROTEOMICS

Mã học phần: KC213701

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 3 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3 H4	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của	H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
các thành viên)			hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng				báo cáo	

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1 H2 H3	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H3	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

4. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H3	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Hình thức trình bày	H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN&CN

BỘ MÔN SINH HỌC

GIẢNG VIÊN

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Trần Minh Định

24. Tiếng anh trong sinh học

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH TRONG SINH HỌC

Mã học phần: KC212005

Số tín chỉ: 02 (2:0)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (30%), Semina/ thảo luận nhóm (20%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài thi kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1 H2 H3	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar/Thảo luận nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1 H2	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của	H3	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
các thành viên)			hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.				báo cáo	

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4 H5	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4 H5	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4 H5	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3.Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

25. Công nghệ lên men

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ LÊN MEN

Mã học phần: KC213702

Số tín chỉ: 2/1 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Bài tập cá nhân (15%), Bài tập nhóm (15%), Bài kiểm tra định kỳ (30%), Thực hành (20%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H5	60%	Tham gia đầy đủ số tiết.	Vắng học <20% tổng số tiết.	Vắng học từ 20%< 40% tổng số tiết.	Vắng học từ 40%<60% tổng số tiết.	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết.	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo.	Tích cực phát biểu đúng từ 2-3 lần.	Phát biểu đúng từ 1-2 lần.	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác.	Không bao giờ phát biểu.	

2. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, đánh giá; PP hỏi-đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	80%	Nội dung đáp ứng 85%-100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70%-84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55%-69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Hình thức bài báo cáo	H1, H2, H3, H4	20%	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	

3. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	40%	Nội dung đáp ứng 85%-100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70%-84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55%-69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H3, H4	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	
3. Hình thức bài báo cáo	H1, H2, H3, H4	20%	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H1, H2, H3, H4	20%	<ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm. 	

4. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10%	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác.	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác.	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50%-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50%.	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4	90%	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng 70%- 84% nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng trên 55%-69% nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng 40%-54% nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng <40% nội dung yêu cầu.	

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THỰC HÀNH

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1, H2, H3, H4	20%	Trình bày $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu.	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70%-84% tổng số nội dung yêu cầu.	Trình bày 55%-69% tổng số nội dung yêu cầu.	Trình bày 40%-54% tổng số nội dung yêu cầu.	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp trên phòng TN)	H1, H2, H3, H4	20%	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác.	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm.	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác.	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác.	Không thu thập được số liệu.	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
3. Kết quả TN	H1, H2, H3, H4	40%	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo.	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo.	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị.	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét.	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu.	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	20%	Trả lời đúng $\geq 85\%$ số câu hỏi.	Trả lời đúng $70\% < 84\%$ số câu hỏi.	Trả lời đúng $55\% - 69\%$ số câu hỏi.	Trả lời đúng $40\% - 54\%$ số câu hỏi.	Trả lời đúng $< 40\%$ số câu hỏi.	

6. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
Kiến thức cơ bản;	H1, H2, H3, H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu $\geq 85\%$ theo đáp án.	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ $70\% - 84\%$ theo đáp án.	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ $55\% - 69\%$ theo đáp án.	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu $40\% - 54\%$ theo đáp án.	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu.	

<i>Vận dụng, liên hệ thực tiễn;</i>	H1, H2, H3, H4	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng.	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan.	
<i>Hình thức trình bày</i>	H1, H2, H3, H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc.	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ.	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ.	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng.	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể.	

Ngày ... tháng ... năm 2021

**Trưởng khoa
(biên soạn)**

**Trưởng Bộ môn
(biên soạn)**

Giảng viên xây dựng Rubrics

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Đoàn Chiến Thắng

26. Kỹ thuật gen

TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT GEN

Mã học phần: KC212708

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 3 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H3 H4	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của	H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
các thành viên)			hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng				báo cáo	

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H3 H4	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

4. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H3 H4	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Hình thức trình bày	H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN&CN

BỘ MÔN SINH HỌC

GIẢNG VIÊN

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Trần Minh Định

27. Thực tập kỹ thuật gen

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP KỸ THUẬT GEN

Mã học phần: KC212709

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H3	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 3 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric đánh giá thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H1	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu, hình ảnh và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu, hình ảnh nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu, hình ảnh	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu, hình ảnh đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Phân tích, biện luận kết quả thí nghiệm	H1 H2 H3	20 %	Phân tích và biện luận đúng $\geq 85\%$ kết quả thí nghiệm	Phân tích và biện luận đúng $70 - < 85\%$ kết quả thí nghiệm	Phân tích và biện luận đúng $55 - 70\%$ kết quả thí nghiệm	Phân tích và biện luận đúng $40\% - < 55\%$ kết quả thí nghiệm	Phân tích và biện luận đúng $< 40\%$ kết quả thí nghiệm	

KHOA KHTN&CN

BỘ MÔN SINH HỌC

GIẢNG VIÊN

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Trần Minh Định

28. Hợp chất tự nhiên có hoạt tính SH

TÊN HỌC PHẦN: HỢP CHẤT TỰ NHIÊN CÓ HOẠT TÍNH SINH HỌC

Mã học phần: KC212711

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Bài tập nhóm (30%), Bài tập cá nhân (30%); Bài kiểm tra định kỳ (20%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm tra (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	6
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H2	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	4

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H3	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H3	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	2
3. Hình thức bài báo cáo	H3	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa	2

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
			ràng, đẹp.	ràng nhưng chưa đẹp.	chưa hợp lí, chưa đẹp.	bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	hợp lí và chưa đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H3	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	2

3. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, hoàn thành nhiệm vụ được giao

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo cá nhân

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H3	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H3	40 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	4
3. Hình thức bài báo cáo	H3	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	2

4. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức/lý thuyết (1 câu lý thuyết)	H1, H2	50 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng ≤ 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	5
2. Kỹ năng tính toán/liên hệ thực tế (1 câu)	H1, H2	50 %	Viết đúng tất cả các công thức, ≥ 85 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức	Viết đúng $< 2/3$ số công thức	5

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài thi viết (tự luận) gồm 2 câu hỏi, rubrics mỗi câu được tính như sau:

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Tiêu chí 1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H4	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 70% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 55%– 69% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 40% - 54% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt < 40% các nội dung đề bài yêu cầu.	8
Tiêu chí 2. Cách trình bày	H1-H4	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	1
Tiêu chí	H1-H4	10%	Không mắc lỗi	Mắc một số	Mắc một số lỗi	Mắc nhiều lỗi	Mắc nhiều	1

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
3. Lỗi chính tả			chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai nhiều từ chuyên môn	

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Thị Thanh

29. Thực tập hợp chất tự nhiên có hoạt tính SH

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP HỢP CHẤT TỰ NHIÊN CÓ HOẠT TÍNH SINH

Mã học phần: KC212712

Số tín chỉ: 0/1(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (70%) gồm: Chuyên cần (10%), Thực hành, thí nghiệm (50%), Bài tập cá nhân (10%); Bài tập nhóm (30%)

- Thi kết thúc học phần (30%): seminar

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm tra (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H3	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	6
2. Hoạt động tích cực trên lớp (Tham gia tích)	H2, H3	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	4

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>cực xây dựng bài, phát biểu ý kiến, chuẩn bị bài ở nhà ...)</i>								

2. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, hoàn thành nhiệm vụ được giao

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo cá nhân hoặc sản phẩm thực tập

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức/lý thuyết	H1	50 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng ≤ 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu	5

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
							hỏi	
2. Kỹ năng tính toán/liên hệ thực tế	H3	50 %	Viết đúng tất cả các công thức, $\geq 85\%$ kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức	Viết đúng < 2/3 số công thức	5

3. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo nhóm hoặc sản phẩm thực tập

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức/lý thuyết	H2	50 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng $\leq 54\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	5
2. Kỹ năng tính toán/liên hệ thực tế	H3	50 %	Viết đúng tất cả các công thức, $\geq 85\%$ kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức	Viết đúng $< 2/3$ số công thức	5

4. RUBRIC THỰC HÀNH

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1, H3	20 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 40 % - - 54 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp)	H2, H3	20 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
trên phòng TN)								
3. Kết quả TN	H2, H3	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu , xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét <u>chưa đầy đủ, chưa thấu đáo</u>	Đầy đủ bảng số liệu <u>nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị</u>	<u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	<u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, <u>chưa có xử lý số liệu</u>	
4. Trả lời câu hỏi	H3	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 69 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - 54 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: pp phỏng vấn, thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá logic</u>	Bố cục khá hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục khá hợp lý, <u>chữ nhỏ</u> ,	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1-H3	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 - < 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % -% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40 % - 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
3. Kỹ năng trình bày	H2-H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng <u>ít</u> thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe <u>nhưng không</u> thuyết phục	<u>Không</u> thuyết phục, <u>không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H3	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % - 84 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % - 69 % câu hỏi	Trả lời được 40 - 54 % câu hỏi	Trả lời được < 40 % câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H2	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa</u> phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành</u>	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.				<u>viên báo cáo</u>	

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Thị Thanh

30. Thực tập thực tế

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP THỰC TẾ

Mã học phần: KC212719

Số tín chỉ: 0/2 (LT/TH)

1. Rubric đánh giá thực tập thực tế chuyên môn

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp đánh giá sản phẩm (bài báo cáo theo nhóm)

* Công cụ đánh giá: rubrics, bảng kiểm, bài báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Tinh thần, thái độ	H2, H3	20 %	Chấp hành tốt nội quy đoàn thực tập/cơ quan thực tập, chủ động, tích cực luôn tham gia thảo luận/đóng góp ý kiến/ cho các hoạt động của nhóm, thường xuyên hỗ trợ các thành viên khác	Chấp hành tốt nội quy đoàn thực tập/cơ quan thực tập, tích cực luôn tham gia thảo luận/đóng góp ý kiến/ cho các hoạt động của nhóm, thỉnh thoảng hỗ trợ các thành viên khác	Chấp hành tốt nội quy đoàn thực tập/cơ quan thực tập, thỉnh thoảng tham gia thảo luận/đóng góp ý kiến/ cho các hoạt động của nhóm, không hỗ trợ các thành viên khác	Bị nhắc nhở do vi phạm nội quy 1 lần, còn thụ động trong hoạt động nhóm	Bị nhắc nhở vi phạm nội quy ≥ 2 lần	
2. Hình thức báo cáo	H2, H3	20 %	Bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (giới thiệu, nội dung, phần rút ra bài học/kỹ	Bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, không lỗi chính tả. Ngôn ngữ sử dụng	Bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, còn lỗi chính tả, hình ảnh minh họa	Bố cục chưa logic, nhiều lỗi chính tả, hình ảnh chưa phong phú	Trình bày quá sơ sài, không đủ số trang theo quy định, hình ảnh minh	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			năng/kinh nghiệm thực tế), không lỗi chính tả. Ngôn ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Có hình ảnh minh họa phong phú và rất phù hợp với chủ đề	đơn giản dễ hiểu. Có hình ảnh minh họa nhưng chưa phong phú	chưa phong phú		họa chưa phù hợp với nội dung	
3. Nội dung báo cáo (các nội dung theo kế hoạch thực tập thực tế hàng năm)	H1, H2, H3, H4	60 %	Trình bày đầy đủ các nội dung, có phân tích đánh giá, rút ra được kỹ năng, kinh nghiệm thực tế sau khi thực tập/ thực tế một cách chi tiết, rõ ràng, hữu ích	Trình bày đầy đủ các nội dung, có phân tích đánh giá, rút ra được kỹ năng, kinh nghiệm thực tế sau khi thực tập/ thực tế nhưng còn sơ sài hoặc chưa thiết thực.	Trình bày đạt yêu cầu 3/4 số nội dung	Trình bày đạt yêu cầu 2/4 số nội dung	Trình bày đạt yêu cầu 1/4 số nội dung hoặc trình bày các nội dung sơ sài	

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Minh Trung

31. Kiểm nghiệm vi sinh

TÊN HỌC PHẦN: KIỂM NGHIỆM VI SINH

Mã học phần: KC213021

Số tín chỉ: 1/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1 H2 H3	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo bài tập nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ,	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H1 H2 H3 H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H4	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			rõ ràng.					

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu /minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

4. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

- * Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra
- * Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1.Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án;	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án;	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án;	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu;	
2.Giải thích một số vấn đề liên quan	H4	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3.Hình thức trình bày	H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ;	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng;	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể;	

Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. **Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS.Trịnh Thị Huyền Trang

32. Thực hành kiểm nghiệm vi sinh

TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH KIỂM NGHIỆM VI SINH

Mã học phần: KC213012

Số tín chỉ: 0/2 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Thí nghiệm thực hành (30%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubric chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4	50 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	
2. Hoạt động chuẩn bị bài	H4	50 %	Chuẩn bị ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Chuẩn bị khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Chuẩn bị 55 % - 70 % tổng số nội dung yêu cầu	Chuẩn bị 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu	Chuẩn bị nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	

2. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H1 H2 H3 H4	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Trả lời câu hỏi	H4	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức/Lý thuyết	H1 H2 H3 H4	40 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Lý giải kết quả của thí nghiệm	H4	50 %	Lý giải trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Lý giải một số nội dung cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Lý giải theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Lý giải chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không lý giải được	

4. Rubric đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kỹ năng trình bày	H4	10 %	Rõ ràng, mạch lạc, tự tin.	Rõ ràng, tự tin nhưng chưa mạch lạc	Áp úng, thiếu tự tin	Chưa rõ ràng, còn lúng túng, thiếu tự tin	Không trình bày được	1
2. Kiến thức/lý thuyết	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	7
3. Trả lời câu hỏi	H4	20 %	Trả lời đúng $\geq 85\%$ số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số **8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

ĐẮk LẮk, ngày tháng năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Trịnh Thị Huyền Trang

33. Kiểm nghiệm hóa thực phẩm

TÊN HỌC PHẦN: KIỂM NGHIỆM HÓA THỰC PHẨM

Mã học phần: KC212741

Số tín chỉ: 2/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (25%), Bài tập nhóm (40%), Bài tập cá nhân (10%); Bài kiểm tra định kỳ (25%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm tra (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2, H4	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	6
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H2, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	4

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H2, H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H1-H4	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	2

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
3. Hình thức bài báo cáo	H4	20 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	2
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H3, H4	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	2

3. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, hoàn thành nhiệm vụ được giao

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo cá nhân

Tiêu chí	CĐR	Trọng	Mô tả mức chất lượng	Điểm
----------	-----	-------	----------------------	------

đánh giá	học phần	số	Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5 – 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	4.0 – 5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H2, H4	40 %	Nội dung đáp ứng 85% – 100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70% - 84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55% - 69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	4
2. Kỹ năng trình bày	H1-H4	20 %	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	2
3. Hình thức bài báo cáo	H4	40 %	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	4

4. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức/lý thuyết (1 câu lý thuyết)	H1	50 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng $\leq 54\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	5
2. Kỹ năng tính toán/liên hệ thực tế (1 câu)	H4	50 %	Viết đúng tất cả các công thức, $\geq 85\%$ kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức	Viết đúng $< 2/3$ số công thức	5

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài thi viết (tự luận) gồm 2 câu hỏi, rubrics mỗi câu được tính như sau:

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Tiêu chí 1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H4	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 70% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 55%– 69% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 40% - 54% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt < 40% các nội dung đề bài yêu cầu.	8
Tiêu chí 2. Cách trình bày	H1-H4	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	1

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Tiêu chí 3. Lỗi chính tả	H1-H4	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai nhiều từ chuyên môn	1

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Thị Thanh

34. Thực hành kiểm nghiệm hóa thực phẩm

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP KIỂM NGHIỆM HÓA THỰC PHẨM

Mã học phần: KC213014

Số tín chỉ: 0/1(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (70%) gồm: Chuyên cần (40%), Thực hành, thí nghiệm (50%), Bài tập cá nhân (10%);

- Thi kết thúc học phần (30%): seminar

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm tra (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H2, H3	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	6
2. Hoạt động tích cực trên lớp (Tham gia tích)	H2, H3	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	4

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>cực xây dựng bài, phát biểu ý kiến, chuẩn bị bài ở nhà ...)</i>								

2. RUBRIC BÀI TẬP CÁ NHÂN

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, hoàn thành nhiệm vụ được giao

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo cá nhân hoặc sản phẩm thực tập

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức/lý thuyết	H1	50 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 – 84 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng ≤ 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu	5

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
							hỏi	
2. Kỹ năng tính toán/liên hệ thực tế	H3	50 %	Viết đúng tất cả các công thức, $\geq 85\%$ kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 70 - 84 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng các công thức, 55 - 69 % kết quả cuối cùng đúng	Viết đúng $\geq 2/3$ số công thức	Viết đúng < 2/3 số công thức	5

3. RUBRIC THỰC HÀNH

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1, H3	20 %	<i>Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,</i>	<i>Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu cầu</i>	<i>Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu</i>	<i>Trình bày 40 % - - 54 % tổng số nội dung yêu cầu</i>	<i>Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết</i>	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp)	H2, H3	20 %	<i>Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác</i>	<i>Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm</i>	<i>Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác</i>	<i>Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác</i>	<i>Không thu thập được số liệu</i>	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
<i>trên phòng TN)</i>								
3. Kết quả TN	H2, H3	40 %	<i>Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo</i>	<i>Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét <u>chưa đầy đủ, chưa thấu đáo</u></i>	<i>Đầy đủ bảng số liệu <u>nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị</u></i>	<i><u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét</i>	<i><u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, <u>chưa có xử lý số liệu</u></i>	
4. Trả lời câu hỏi	H3	20 %	<i>Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi</i>	<i>Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu hỏi</i>	<i>Trả lời đúng 55 - 69 % số câu hỏi</i>	<i>Trả lời đúng 40 % - 54 % số câu hỏi</i>	<i>Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi</i>	

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: pp phỏng vấn, thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá</u> logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, <u>chưa</u> đúng quy cách trình chiếu	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, <u>chữ</u> nhỏ,	Trình bày <u>cẩu</u> thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1-H3	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày <u>khá</u> đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 - < 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % -% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40 % - 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
3. Kỹ năng trình bày	H2-H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	<u>Không thuyết phục, không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H3	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % - 84 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % - 69 % câu hỏi	Trả lời được 40 - 54 % câu hỏi	Trả lời được < 40 % câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H2	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa phân công</u> rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành</u>	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			<i>giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.</i>			<u><i>viên báo cáo</i></u>		

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Thị Thanh

35. Công nghệ sinh học thực vật

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỰC VẬT

Mã học phần: KC213722

Số tín chỉ: 2LT/0TH

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (50%), Báo cáo Seminar (50%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, hỏi-trả lời kiến thức, sự tập trung và tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, trả lời, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1	50 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (tập trung nghe giảng, phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3	50 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1	10 %	Bố cục đúng theo quy định, hợp lý, không lỗi chính tả, báo cáo trình chiếu logic	Bố cục gần đúng theo quy định, hợp lý, ít lỗi chính tả, báo cáo trình chiếu logic	Bố cục gần đúng theo quy định, hợp lý, nhiều lỗi chính tả, báo cáo trình chiếu chưa logic	Bố cục chưa theo đúng theo quy định, nhiều lỗi chính tả, báo cáo trình chiếu chưa logic	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3	25 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài.	
3. Kỹ năng trình bày	H1 H2 H3	30 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3	15 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
5. Làm việc nhóm (đóng góp của các thành viên)	H1 H2 H3	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên.	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên.	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

3. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3	60%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích biện luận một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3	30%	Giải thích, biện luận một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích biện luận một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích biện luận một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích biện luận một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích, không biện luận được một số vấn đề liên quan	
3. Hình thức trình bày	H1	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Nguyễn Đình Sỹ

36. Công nghệ Enzyme

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ ENZYME

Mã học phần: KC213703

Số tín chỉ: 02 (2/0)

1. RUBRICS ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp)

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Mức tham dự độ theo TKB	H1 H2	50%	Tham dự > 90% buổi học.	Tham dự 80- 90% buổi học.	Tham dự 70- 80% buổi học.	Tham dự <70% buổi học.	
2. Mức độ tham gia các hoạt động học tập	H1 H2 H3	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi.	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi.	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

2. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp đánh giá sản phẩm

* Công cụ/ hoạt động đánh giá: Báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	

1. Hình thức báo cáo	H1 H2 H3	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả, không đúng mẫu.	
2. Kỹ năng trình bày	H1 H2 H3	20%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe.	Nói rõ, tự tin.	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe.	
3. Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	H1 H2 H3	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu.	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu.	Đáp ứng 50%- 70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi.	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi.	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi.	
5. Tham gia thực hiện	H1 H2 H3	10%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	

3. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI KIỂM TRA-VIẾT-GIỮA KỲ/BÀI KIỂM TRA ĐIỂM BỘ PHẬN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Trình bày	H1 H2 H3	20%	Đẹp, súc tích, không lỗi chính tả.	Khá đẹp, khá súc tích, có 1-2 lỗi chính tả, mô tả kết quả chưa rõ ràng.	Tương đối súc tích Còn lỗi chính tả, không mô tả được kết quả bài toán.	Nhiều lỗi chính tả, không súc tích, không đáp ứng yêu cầu tối thiểu.	
2. Lập luận	H1 H2	40%	Lập luận logic.	Lập luận logic, chưa đầy đủ.	Có lập luận, chưa logic.	Lập luận sai, không lập luận.	

	H3						
3. Kết quả bài kiểm tra	H1 H2 H3	40%	Kết quả đúng, đầy đủ.	Kết quả đúng đến 85%.	Kết quả đúng đến 70%.	Kết quả dưới 40%.	

4. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT (ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT/ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN)

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
Nội dung trả lời	H1 H2 H3	100%	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu.	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu.	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần của đề cương chi tiết.

Đắc Lắc, ngày 04 tháng 08 năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Nguyễn Văn Bốn

37. Nông nghiệp hữu cơ

TÊN HỌC PHẦN: NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ
Mã học phần: KC213010

Số tín chỉ: 02 (2/0)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (30%), Bài tập nhóm, (20%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H5	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo bài tập nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình	H5	10 %	Bố cục hợp lý,	Bố cục khá hợp	Bố cục khá hợp	Bố cục khá hợp	Trình bày cầu	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
thức báo cáo			rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	lý, chữ nhỏ	thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H5	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H5	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của	H3 H5	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
các thành viên)			hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.				báo cáo	

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H5	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4 H5	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

4. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên	H1 H2 H3 H4	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
quan						liệu/minh chứng		
3.Hình thức trình bày	H5	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

Phạm Hữu Khánh

Trần Thị Phương Hạnh

Trần Thị Kim Thi

38. Thiết kế thí nghiệm và xử lý thống kê

TÊN HỌC PHẦN: THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM VÀ XỬ LÝ THỐNG KÊ

Mã học phần: TY213268

Số tín chỉ: 1,5/0,5(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (20%) gồm: Chuyên cần (25%), Thực hành (25%), Bài kiểm tra định kỳ (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (80%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H5	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4,H5	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥ 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC ĐÁNH GIÁ TRÌNH BÀY THỰC HÀNH PHÒNG THÍ NGHIỆM

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, chấm điểm trên máy tính

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1-H3	20 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 40 % - - 54 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp trên phòng TN)	H4,H5	20 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
3. Kết quả thực hành trên máy tính	H1-H5	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét <u>chưa đầy đủ, chưa thấu đáo</u>	Đầy đủ bảng số liệu <u>nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị</u>	<u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	<u>Chưa đầy đủ</u> bảng số liệu, <u>chưa có xử lý số liệu</u>	
4. Trả lời câu hỏi	H1-H5	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 69 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - 54 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H3	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%– 64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	
2. Cách trình bày	H5	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H4	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết nhiều từ chuyên môn	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài	H1-H3	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 65% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 48%– 64% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 35% - 47% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt dưới 35% các nội dung đề bài yêu cầu.	
2. Cách trình bày	H4,H5	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
3. Lỗi chính tả	H5	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết nhiều từ chuyên môn	

KHOA KHTN&CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đắk Lắk, ngày..... tháng.....năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. PHẠM HỮU KHÁNH

TS. TRẦN THỊ PHƯƠNG HẠNH

ThS. TRƯƠNG BÁ PHONG

39. Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học

TÊN HỌC PHẦN: QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Mã học phần: KC213019

Số tín chỉ: 2/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (30%, thực hiện theo rubrics số 3), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (30%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* **Phương pháp đánh giá:** PP quan sát, pp hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2, H3, H4	60 %	Tham gia \geq 85 % số tiết	Tham gia 70 – 84 % số tiết	Tham gia 55 – 69 % số tiết	Tham gia 40 – 54 % số tiết	Tham gia < 40 % số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu \geq 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 – 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H2, H3, H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá logic</u>	Bố cục khá hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục thiếu hợp lý, <u>chữ nhỏ</u>	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	30 %	Trình bày ≥ 85% nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70% – 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55% – 69% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40% – 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	
3. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng <u>ít thuyết phục</u>	Nói nhỏ, chưa tự tin, có giao lưu người nghe <u>nhưng không thuyết phục</u>	<u>Không</u> thuyết phục, <u>không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	30 %	Trả lời được ≥ 85% các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70% – 84% câu hỏi	Trả lời được trên 55% – 69% câu hỏi	Trả lời được 40% – 54% câu hỏi	Trả lời được < 40% câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H1, H2, H3, H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên</u>	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành viên báo cáo</u>	Không thể hiện sự phân công công việc trong nhóm; Chỉ một thành viên báo cáo	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài kiểm tra viết (kết hợp tự luận, trắc nghiệm và trả lời ngắn)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - 84% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 40 - 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40 % nội dung yêu cầu	
3. Liên hệ thực tiễn	H1, H2, H3, H4	20 %	Liên hệ đúng, giải thích trọn vẹn vấn đề thực tiễn có liên quan, có tính logic cao;	Liên hệ đúng, giải thích được nhưng chưa trọn vẹn vấn đề thực tiễn liên quan	Liên hệ đúng, chưa giải thích được vấn đề thực tiễn liên quan	Chỉ mô tả lại các gợi ý từ bài giảng, không giải thích được mối liên hệ	Không thể chỉ ra các vấn đề thực tiễn liên quan	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức cơ bản;	H1, H2, H3, H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu $\geq 85\%$ theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% - 84% theo đáp án;	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% - 69% theo đáp án;	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40% - 54% theo đáp án;	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu;	
2. Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H1, H2, H3, H4	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ;	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng;	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể;	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số **8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Minh Trung

40. Vật liệu sinh học

TÊN HỌC PHẦN: VẬT LIỆU SINH HỌC

Mã học phần: KC213704

Số tín chỉ: 2/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (30%, thực hiện theo rubrics số 3), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (30%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2, H3, H4	60 %	Tham gia \geq 85 % số tiết	Tham gia 70 – 84 % số tiết	Tham gia 55 – 69 % số tiết	Tham gia 40 – 54 % số tiết	Tham gia < 40 % số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu \geq 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí	CDR	Trọng	Mô tả mức chất lượng	Điểm
----------	-----	-------	----------------------	------

đánh giá	học phần	số	Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 – 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H2, H3, H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá</u> logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục thiếu hợp lý, <u>chữ nhỏ</u>	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	30 %	Trình bày $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70% – 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55% – 69% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40% – 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	
3. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng <u>ít</u> thuyết phục	Nói nhỏ, chưa tự tin, có giao lưu người nghe <u>nhưng không</u> thuyết phục	<u>Không</u> thuyết phục, <u>không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	30 %	Trả lời được $\geq 85\%$ các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70% – 84% câu hỏi	Trả lời được trên 55% – 69% câu hỏi	Trả lời được 40% – 54% câu hỏi	Trả lời được < 40% câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H1, H2, H3, H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa</u> phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành viên báo cáo</u>	Không thể hiện sự phân công công việc trong nhóm; Chỉ một thành viên báo cáo	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (kết hợp tự luận, trắc nghiệm và trả lời ngắn)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - 84% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 40 - 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40 % nội dung yêu cầu	
3. Liên hệ thực tiễn	H1, H2, H3, H4	20 %	Liên hệ đúng, giải thích trọn vẹn vấn đề thực tiễn có liên quan, có tính logic cao;	Liên hệ đúng, giải thích được nhưng chưa trọn vẹn vấn đề thực tiễn liên quan	Liên hệ đúng, chưa giải thích được vấn đề thực tiễn liên quan	Chỉ mô tả lại các gợi ý từ bài giảng, không giải thích được mối liên hệ	Không thể chỉ ra các vấn đề thực tiễn liên quan	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức cơ bản;	H1, H2, H3, H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu $\geq 85\%$ theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% - 84% theo đáp án;	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% - 69% theo đáp án;	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40% - 54% theo đáp án;	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu;	
2. Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H1, H2, H3, H4	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ;	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng;	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể;	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần của đề cương chi tiết

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Minh Trung

41. Công nghệ vi tảo và ứng dụng

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ VI TẢO VÀ ỨNG DỤNG

Mã học phần: KC213015

Số tín chỉ: 1/1 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (20%, đánh giá theo rubric số 4), Bài tập nhóm (20%), Thực hành, thí nghiệm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (20%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* **Phương pháp đánh giá:** PP quan sát, pp hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2, H3, H4	60 %	Tham gia \geq 85 % số tiết	Tham gia 70 – 84 % số tiết	Tham gia 55 – 69 % số tiết	Tham gia 40 – 54 % số tiết	Tham gia < 40 % số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu \geq 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 – 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H2, H3, H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá logic</u>	Bố cục khá hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục thiếu hợp lý, <u>chữ nhỏ</u>	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	30 %	Trình bày ≥ 85% nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70% – 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55% – 69% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40% – 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	
3. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng <u>ít thuyết phục</u>	Nói nhỏ, chưa tự tin, có giao lưu người nghe <u>nhưng không thuyết phục</u>	<u>Không</u> thuyết phục, <u>không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	30 %	Trả lời được ≥ 85% các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70% – 84% câu hỏi	Trả lời được trên 55% – 69% câu hỏi	Trả lời được 40% – 54% câu hỏi	Trả lời được < 40% câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H1, H2, H3, H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên</u>	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành viên báo cáo</u>	Không thể hiện sự phân công công việc trong nhóm; Chỉ một thành viên báo cáo	

3. RUBRIC THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm/thực nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 - 10	7 - 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1	10 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu,	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 84% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - 69 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 40 % - 54 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp trên phòng TN)	H2, H3	30 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
3. Kết quả TN	H1, H2, H3, H4	40 %	Đầy đủ số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét/biện luận đầy đủ, logic	Đầy đủ số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhận xét/biện luận <u>đầy đủ</u> , chưa logic	Đầy đủ bảng số liệu; xử lý số liệu/vẽ đồ thị chưa đúng, nhận xét/biện luận chưa liên hệ số liệu	<u>Chưa đầy đủ số liệu, chưa xử lý số liệu/vẽ đồ thị</u>	<u>Không có số liệu</u>	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 84 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 69 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - 54 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp kiểm tra

* **Công cụ đánh giá:** Rubrics, bài kiểm tra viết (kết hợp tự luận, trắc nghiệm và trả lời ngắn)

Tiêu chí	CDR	Trọng	Mô tả mức chất lượng	Điểm
----------	-----	-------	----------------------	------

đánh giá	học phần	số	Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - 84% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 40 - 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40 % nội dung yêu cầu	
3. Liên hệ thực tiễn	H1, H2, H3, H4	20 %	Liên hệ đúng, giải thích trọn vẹn vấn đề thực tiễn có liên quan, có tính logic cao;	Liên hệ đúng, giải thích được nhưng chưa trọn vẹn vấn đề thực tiễn liên quan	Liên hệ đúng, chưa giải thích được vấn đề thực tiễn liên quan	Chỉ mô tả lại các gợi ý từ bài giảng, không giải thích được mối liên hệ	Không thể chỉ ra các vấn đề thực tiễn liên quan	

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức cơ bản;	H1, H2, H3, H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu ≥ 85 % theo	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% - 84% theo đáp án;	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% - 69% theo đáp án;	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40% - 54% theo đáp án;	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu;	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			đáp án;					
2. Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H1, H2, H3, H4	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ;	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng;	Câu thả; Không có bố cục cụ thể;	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. **Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Minh Trung

42. Công nghệ sản xuất phân vi sinh

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN VI SINH

Mã học phần: KC213709

Số tín chỉ: 1/1(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT - ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập nhóm (10%), Bài kiểm tra định kỳ (10%), Thực hành (70%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi - đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5–6,9	4,0–5,4	< 4,0	
<i>1. Thời gian tham dự trên lớp</i>	H5	60%	Tham gia đầy đủ số tiết.	Vắng học < 20% tổng số tiết.	Vắng học từ 20% < 40% tổng số tiết.	Vắng học từ 40% < 60% tổng số tiết.	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết.	
<i>2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)</i>	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo.	Tích cực phát biểu đúng từ 2 - 3 lần.	Phát biểu đúng từ 1–2 lần.	Phát biểu đúng từ 1–2 lần nhưng không chính xác.	Không bao giờ phát biểu.	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5–10 điểm	7–8.4 điểm	5.5–6.9 điểm	4.0–5.4 điểm	< 4.0 điểm	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Nội dung đáp ứng 85%–100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70%–84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55%–69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%–54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H4, H5	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	
3. Hình thức bài báo cáo	H4, H5	20%	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lý, rõ ràng nhưng	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lý, chưa	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lý và chưa	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8.5–10 điểm	7–8.4 điểm	5.5–6.9 điểm	4.0–5.4 điểm	< 4.0 điểm	
				chưa đẹp.	đẹp.	hợp lí, chưa đẹp.	đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H4	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm. 	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5–6,9	4,0–5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5–6,9	4,0–5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H4	10%	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50%–60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50%	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4, H5	90%	Trình bày đúng ≥85% nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng 70%–84% nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng trên 55%–69% nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng 40%–54 % nội dung yêu cầu.	Trình bày đúng < 40% nội dung yêu cầu.	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THỰC HÀNH

* **Phương pháp đánh giá:** Phương pháp quan sát, PP hỏi - đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5–6,9	4,0–5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5–6,9	4,0–5,4	< 4,0	
1. Trình bày lý thuyết	H1, H2, H3, H4, H5,	20%	Trình bày $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu.	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70%–84% tổng số nội dung yêu cầu.	Trình bày 55%–69% tổng số nội dung yêu cầu.	Trình bày 40%–54% tổng số nội dung yêu cầu.	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
2. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu (quan sát trực tiếp trên phòng TN)	H2, H4	20%	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác.	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm.	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác.	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác.	Không thu thập được số liệu.	
3. Kết quả TN	H2, H4	40%	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo.	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo.	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị.	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét.	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5–6,9	4,0–5,4	< 4,0	
4. Trả lời câu hỏi	H2,H4	20%	Trả lời đúng \geq 85% số câu hỏi	Trả lời đúng 70%–84% số câu hỏi	Trả lời đúng 55% –69% số câu hỏi	Trả lời đúng 40%–54% số câu hỏi	Trả lời đúng < 40% số câu hỏi	

5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5 - 6,9	4,0 - 5,4	< 4,0	
Kiến thức cơ bản	H1,H2	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu \geq 85% theo đáp án.	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70%–84% theo đáp án.	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55%–69% theo đáp án.	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40%–54% theo đáp án.	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu.	
Vận dụng, liên hệ thực tiễn	H3,H5	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng.	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan.	
Hình thức trình bày	H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ,	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ.	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng.	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5–10	7–8,4	5,5 - 6,9	4,0 - 5,4	< 4,0	
			mạch lạc.	chẽ.				

Ngày ... tháng ... năm 2021

**Trưởng khoa
(biên soạn)**

**Trưởng Bộ môn
(biên soạn)**

Giảng viên xây dựng Rubrics

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Đoàn Chiến Thắng

43. Virus học

TÊN HỌC PHẦN: VIRUS HỌC

Mã học phần: KC213504

Số tín chỉ: 1/0(LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (40%), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kì (30%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* **Phương pháp đánh giá:** PP quan sát, pp hỏi – đáp

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H5	60%	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20% tổng số tiết	Vắng học từ 20% < 40% tổng số tiết	Vắng học từ 40% < 60% tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Rất tích cực phát biểu ≥ 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2-3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4, H5	40 %	Nội dung đáp ứng 85%-100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70%-84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55%-69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H3, H5	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định. 	
3. Hình thức bài báo cáo	H3, H5	20%	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	
4. Kỹ năng	H3	20%	- Nhiệm vụ các	- Nhiệm vụ các	- Nhiệm vụ các	- Nhiệm vụ các	- Chỉ một/một	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
<i>làm việc nhóm</i>			thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
<i>1. Hình thức trình bày</i>	H3	10%	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50%-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50%	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
<i>2. Kiến thức/lý thuyết</i>	H1, H2, H3, H4, H5	90%	Trình bày đúng \geq 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70%-84% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55%-69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 40%-54% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40% nội dung yêu cầu	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
Kiến thức cơ bản;	H1,H2	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu $\geq 85\%$ theo đáp án.	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70%-84% theo đáp án.	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55%-69% theo đáp án.	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40%-54% theo đáp án.	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu.	
Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H4,H5	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng.	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan.	
Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc.	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ.	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ.	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng.	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể.	

Ngày ... tháng ... năm 2021

Trưởng khoa
(biên soạn)

Trưởng Bộ môn
(biên soạn)

Giảng viên xây dựng Rubrics

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Đoàn Chiến Thắng

44. Cây thuốc

TÊN HỌC PHẦN: CÂY THUỐC

Mã học phần: KC213435

Số tín chỉ: 01 (0,5: 0,5)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Semina/ thảo luận nhóm (10%), Thí nghiệm, thực hành (70%), Bài kiểm tra định kỳ (10%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài thi kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1 H2 H3 H4 H5	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H5	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H5	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H5	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1-H5	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm	H5	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân	Có một số thành viên báo cáo và phân	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
(sự đóng góp của các thành viên)			chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	công rõ đóng góp của từng thành viên	rõ đóng góp của từng thành viên	cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo		

2. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm	H1-H5	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1-H5	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ,	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			đủ, thấu đáo	chưa thấu đáo				
3. Trả lời câu hỏi	H1-H5	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng \geq 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
							hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1.Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3	30%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Thị Thủy

45. Bảo tồn thiên nhiên

TÊN HỌC PHẦN: BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

Mã học phần: KC213502

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Semina/ thảo luận nhóm (20%), Thí nghiệm, thực hành (50%), Bài kiểm tra định kỳ (10%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài thi kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí	CDR	Trọng	Mô tả mức chất lượng	Điểm
----------	-----	-------	----------------------	------

đánh giá	học phần	số	Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0
1. Hình thức báo cáo	H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H4	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của	H3	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên	Chỉ một thành viên báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
các thành viên)			hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.				báo cáo	

2. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H3	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Trả lời câu hỏi	H1 H2	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70 %	Trình bày đúng \geq 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3.Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Hữu Kiên

46. Dược liệu học

TÊN HỌC PHẦN: DƯỢC LIỆU HỌC

Mã học phần: KC212725

Số tín chỉ: 02 (1,5: 0,5)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Semina/ thảo luận nhóm (10%), Thí nghiệm, thực hành (70%), Bài kiểm tra định kì (10%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài thi kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1 H2 H3 H4 H5	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1 H2	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H4	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp)	H1 H2 H3 H4 H5	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
góp của các thành viên)			thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	thành viên		một thành viên báo cáo		

2. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H3	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H4	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4 H5	70 %	Trình bày đúng \geq 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4 H5	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4 H5	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3.Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Thị Thủy

47. Công nghệ sinh học ứng dụng trong thực phẩm

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SINH HỌC ỨNG DỤNG TRONG THỰC PHẨM

Mã học phần: KC213020

Số tín chỉ: 02 (2/0)

1. Rubrics đánh giá chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, PP hỏi - đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), câu hỏi.

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	3,9-0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4, H5	50%	Tham gia rất đầy đủ các buổi học $\geq 90\%$	Tham gia các buổi học trên lớp đầy đủ: 75-89%	Tham gia các buổi học trên lớp khá đầy đủ: 55-74%	Tham gia các buổi học trên lớp chưa đầy đủ: 40-54%	Tham gia các buổi học trên lớp quá ít (<40%)	
2. Thái độ học tập	H1, H2, H3, H4	50%	Rất tích cực tham gia góp ý xây dựng bài học, luôn luôn góp ý bài đúng.	Khá tích cực tham gia góp ý xây dựng bài học, thường xuyên góp ý bài đúng.	Thỉnh thoảng tham gia góp ý, góp ý bài đúng.	Hiếm khi tham gia góp ý, thỉnh thoảng góp ý bài sai.	Không bao giờ góp ý xây dựng bài.	

2. Rubrics đánh giá Seminar

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá</u> logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục khá hợp lý, <u>chữ nhỏ,</u>	Trình bày cấu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 - < 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % -% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40 % - 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
3. Kỹ năng trình bày	H4, H5	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng <u>ít</u> thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe <u>nhưng không</u> thuyết phục	<u>Không</u> thuyết phục, <u>không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H5	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % - 84 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % - 69 % câu hỏi	Trả lời được 40 - 54 % câu hỏi	Trả lời được < 40 % câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa</u> phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành</u>	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.				<u>viên báo cáo</u>	

3. Rubrics đánh giá bài kiểm tra viết (đánh giá quá trình)

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra viết

* Công cụ đánh giá: Bài kiểm tra tự luận

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 3,9	
1. Hình thức trình bày	H1,H2, H3,H4	10 %	Đẹp, rõ, súc tích, logic, không lỗi chính tả	Đẹp, rõ, súc tích, logic, ít lỗi chính tả	Có một số phần chưa rõ, chưa logic, chưa súc tích, còn nhiều lỗi chính tả	Nhiều phần chưa rõ, chưa súc tích, chưa logic, còn rất nhiều lỗi chính tả	Không rõ ràng, không súc tích, không logic, quá nhiều lỗi chính tả	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 3,9	
2. Kiến thức cơ bản	H1,H2, H3	80 %	Làm đúng tất cả các câu hỏi của phần kiến thức cơ bản	Làm đúng khoảng 70-85% của các câu hỏi trong phần kiến thức cơ bản	Làm đúng khoảng 55-69% của các câu hỏi trong phần kiến thức cơ bản	Làm đúng khoảng 40-54% của các câu hỏi trong phần kiến thức cơ bản	Làm đúng dưới 40% của các câu hỏi trong phần kiến thức cơ bản	
3. Kiến thức vận dụng	H1,H2, H3,H4	10%	Làm đúng tất cả các câu hỏi của phần kiến thức vận dụng	Làm đúng khoảng 70-85% của các câu hỏi trong phần kiến thức vận dụng	Làm đúng khoảng 55-69% của các câu hỏi trong phần kiến thức vận dụng	Làm đúng khoảng 40-54% của các câu hỏi trong phần kiến thức vận dụng	Làm đúng dưới 40% của các câu hỏi trong phần kiến thức vận dụng	

4. Rubrics đánh giá bài kiểm tra viết (đánh giá tổng kết)

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra viết

* Công cụ đánh giá: Bài kiểm tra tự luận

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
Hình thức trình bày		10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ;	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ	Câu trả; Không có bố cục cụ thể;	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
						ràng;		
Kiến thức cơ bản;		70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu $\geq 85\%$ theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% - 84% theo đáp án;	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% - 69% theo đáp án;	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40% - 54% theo đáp án;	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu;	
Vận dụng, liên hệ thực tiễn;		20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan;	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

Phạm Hữu Khánh

Trần Thị Phương Hạnh

Trần Thị Thanh Thảo

48. Công nghệ sản xuất và chế biến nấm

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN NẤM

Mã học phần: KC213017

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Semina/ thảo luận nhóm (10%), Thí nghiệm, thực hành (70%), Bài kiểm tra định kì (10%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài thi kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo Seminar

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H4	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các	H3	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên	Chỉ một thành viên báo cáo	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
thành viên)			Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.				báo cáo	

3. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H3	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Trả lời câu hỏi	H1 H2	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H1 H2 H3 H4	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1.Kiến thức cơ bản	H1 H2 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2.Giải thích một số vấn đề liên quan	H1 H2 H3 H4	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	
3.Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Nguyễn Phương Đại Nguyễn

49. Công nghệ sinh học trong xử lý môi trường

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG

Mã học phần: KC213022

Số tín chỉ: 02 (02 LT/ 0TH)

CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ:

- Điểm bộ phận 30%, gồm: chuyên cần (25%), bài tập nhóm (25%), bài kiểm tra định kỳ (50%)
- Điểm kết thúc học phần (70%): bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubric đánh giá chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H2, H3	60 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H2, H3	40 %	Rất tích cực phát biểu ≥4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric đánh giá nhóm seminar/thuyết trình:

* **Phương pháp đánh giá:** PP. đánh giá thuyết trình, PP. làm việc nhóm.

* **Công cụ đánh giá:** bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình.

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H3, H4,	10%	Bố cục hợp lý, rõ ràng, đúng quy cách trình chiếu.	Bố cục khá hợp lý, rõ ràng, đúng quy cách trình chiếu.	Bố cục khá hợp lý, rõ ràng, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục chưa hợp lý, đúng qui cách trình chiếu	Bố cục không hợp lý; không đúng qui cách trình chiếu	
2. Nội dung báo cáo	H1, H3, H4, H5	30%	Trình bày đạt $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu của chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đạt $70\% - < 84\%$ tổng số nội dung yêu cầu của chủ đề.	Trình bày đạt $55\% - 69\%$ tổng số nội dung yêu cầu của chủ đề	Trình bày đạt $40\% - 54\%$ tổng số nội dung yêu cầu của chủ đề	Trình bày đạt $< 40\%$ tổng số nội dung yêu cầu của chủ đề	
3. Kỹ năng trình bày	H3, H4,	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H3, H4, H5	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % - 84 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % - 69 % câu hỏi	Trả lời được 40 - 54 % câu hỏi	Trả lời được < 40 % câu hỏi	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H3, H4,	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ (đánh giá thường xuyên/ kiểm tra để lấy điểm bộ phận)

* Phương pháp đánh giá: PP. kiểm tra tự luận.

* Công cụ đánh giá: bài kiểm tra, rubrics.

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
<i>Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài</i>	H1, H2, H3, H4, H5	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 70% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 55%– 69% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 40% - 54% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt < 40% các nội dung đề bài yêu cầu.	
<i>Cách trình bày</i>	H1, H2, H3, H4, H5	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
<i>Lỗi chính tả</i>		10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai nhiều từ chuyên môn	

3. Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: PP. kiểm tra tự luận.

* Công cụ đánh giá: bài kiểm tra, rubrics.

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
<i>Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của đề bài</i>	H1, H2, H3, H4, H5	80%	Trả lời đạt 85%– 100% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 70% - 84% các nội dung đề bài yêu cầu	Trả lời đạt 55%– 69% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt 40% - 54% các nội dung đề bài yêu cầu.	Trả lời đạt < 40% các nội dung đề bài yêu cầu.	
<i>Cách trình bày</i>	H1, H2, H3, H4, H5	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	
<i>Lỗi chính tả</i>		10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai nhiều từ chuyên môn	

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

50. Kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng

TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT NHÂN GIỐNG VÔ TÍNH CÂY TRỒNG

Mã học phần: KC213018

Số tín chỉ: 1/1 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập nhóm (10%), Thí nghiệm thực hành (70%), Bài kiểm tra định kỳ (10%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubric chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo bài tập nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ,	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3	30 %	Trình bày \geq 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
4. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3 H4	30 %	Trả lời được \geq 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H3	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

3. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H2 H3	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Trả lời câu hỏi	H2 H4	20 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3 H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H2	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án;	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
2. Giải thích một số vấn đề liên quan	H2	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	
3. Hình thức trình bày	H3 H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

**KHOA KHTN & CN
RUBRIC**

Phạm Hữu Khánh

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trần Thị Phương Hạnh

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021
GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG

Trần Thị Kim Thi

51. Khóa luận tốt nghiệp

TÊN HỌC PHẦN: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Mã học phần: KC215599

* **Phương pháp đánh giá:** Báo cáo, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* **Công cụ đánh giá:** Phiếu chấm chuyên đề, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
Bố cục, hình thức	C8.	5%	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục cân đối, đầy đủ các phần, khoa học, phù hợp với lĩnh vực của đề tài. - Trình bày đúng quy cách, ít hoặc không có lỗi định dạng, chính tả... 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục đầy đủ các phần, khoa học, phù hợp với lĩnh vực của đề tài. - Trình bày đúng quy cách, có một số lỗi định dạng, 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục đầy đủ, các phần sắp xếp chưa khoa học, chưa phù hợp với đề tài. - Trình bày vẫn còn lỗi về quy cách, có nhiều lỗi 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục chưa đầy đủ, các phần sắp xếp chưa khoa học, chưa phù hợp với đề tài. - Trình bày có nhiều lỗi về quy cách, có nhiều lỗi 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục chưa đầy đủ, thiếu những phần quan trọng của đề tài. Các phần sắp xếp chưa khoa học, chưa phù hợp với đề tài. - Trình bày chưa đúng quy cách, có nhiều 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
				chính tả...	định dạng, chính tả...	định dạng, chính tả	lỗi về định dạng và chính tả	
Tổng quan tài liệu/Cơ sở lý luận	C5.	20%	- Nội dung của phần tổng quan tài liệu đầy đủ, khoa học, bám sát với vấn đề nghiên cứu, có cơ sở lý luận rõ ràng.	- Nội dung của phần tổng quan tài liệu khá đầy đủ, bám sát với nội dung đề tài, tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở lý luận chưa rõ ràng	- Nội dung của phần tài liệu tổng quan chưa đầy đủ, chưa thực sự bám sát với vấn đề nghiên cứu. Một số cơ sở lý luận chưa rõ ràng	- Nội dung của phần tổng quan tài liệu chưa phù hợp với đề tài. Chưa đầy đủ các cơ sở lý luận	- Tổng quan tài liệu chưa phù hợp với đề tài. Có ít hoặc không có cơ sở lý luận.	
Phương pháp	C6.	20%	- Phương pháp phù hợp với nội dung nghiên cứu. Các	-Phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung Các phương pháp	- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung. Một số phương	- Một số phương pháp chưa phù hợp với nội dung nghiên cứu, chưa	- Phương pháp nghiên cứu không phù hợp với nội dung	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			phương pháp thông dụng và có tính cập nhật	thông dụng nhưng chưa có tính cập nhật.	pháp chưa có nguồn gốc rõ ràng, chưa có tính cập nhật	có nguồn gốc rõ ràng và chưa có tính cập nhật	nghiên cứu, chưa có nguồn gốc và tính cập nhật	
Kết quả và thảo luận	C5. C10.	40%	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được mục tiêu và nội dung nghiên cứu - Kết quả có độ tin cậy cao, có tính khoa học, trung thực. - Biện luận chặt chẽ, khoa học, súc tích và có so sánh kết quả với các nghiên cứu khác liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được mục tiêu và nội dung nghiên cứu. - Kết quả có độ tin cậy, có tính khoa học, trung thực. - Biện luận chặt chẽ, khoa học, súc tích nhưng chưa so sánh được kết quả nghiên cứu với các nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được mục tiêu nghiên cứu - Một số kết quả chưa đủ độ tin cậy. Kết quả có tính khoa học và trung thực. - Biện luận còn dài dòng, chưa so sánh được kết quả nghiên cứu với các 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được chưa thể hiện đầy đủ mục tiêu nghiên cứu - Một số kết quả chưa đủ độ tin cậy, chưa có tính khoa học, trung thực. - Biện luận chưa chặt chẽ và chưa so sánh được kết quả với các nghiên cứu khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả chưa đạt được mục tiêu nghiên cứu - Kết quả không đủ độ tin cậy, chưa khoa học và trung thực. - Chưa có biện luận và chưa so sánh được kết quả với các nghiên cứu 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			đến vấn đề nghiên cứu	liên quan đến vấn đề nghiên cứu	nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu	liên quan đến vấn đề nghiên cứu	khác liên quan đến vấn đề nghiên cứu	
Tài liệu tham khảo	C3	5%	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo phong phú, có tính cập nhật và tổng quát. Sắp xếp theo đúng quy cách - Nguồn gốc tài liệu rõ ràng. - Trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ, chính xác và rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo phong phú, có tính cập nhật và tổng quát. Sắp xếp chưa đúng quy cách - Nguồn gốc tài liệu rõ ràng. - Trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ, một số chỗ chưa chính xác và rõ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo phong phú. Sắp xếp chưa theo đúng quy cách. - Một số tài liệu có nguồn gốc chưa rõ ràng - Trích dẫn tài liệu tham khảo chưa đầy đủ, một số chỗ chưa chính xác và rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng tài liệu tham khảo ít, chưa sắp xếp theo đúng quy cách - Nhiều tài liệu nguồn gốc chưa rõ ràng. - Trích dẫn tài liệu tham khảo chưa đầy đủ, nhiều chỗ chưa 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng tài liệu tham khảo rất ít. - Tài liệu chủ yếu là các website, nguồn gốc không rõ ràng - Chưa có trích dẫn tài liệu tham khảo. 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
				ràng.		chính xác và rõ ràng.		
Trình bày báo cáo và trả lời câu hỏi	C8.	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, tự tin. - Hình thức trình bày Slide đúng quy cách, hợp lý và logic. Có sự tương phản tốt, màu sắc phù hợp, cỡ chữ phù hợp. - Trả lời đầy đủ, chính xác các 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ, rõ ràng các nội dung, nhưng chưa mạch lạc. - Hình thức trình bày Slide đúng quy cách, khá hợp lý và logic. Có sự tương phản, màu sắc phù hợp, cỡ chữ phù hợp. - Trả lời chưa chính xác một số câu hỏi của hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ các nội dung nhưng còn áp úng, thiếu tự tin - Hình thức trình bày Slide khá hợp lý. Có sự tương phản nhưng màu chữ và nền chọn chưa phù hợp. Cỡ chữ vừa phải - Chưa trả lời được một số câu hỏi của hội đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ các nội dung, còn lúng túng, thiếu tự tin - Hình thức trình bày Slide chưa hợp lý. Có sự tương phản nhưng màu chữ và nền chọn chưa phù hợp. Cỡ chữ nhỏ. - Chưa trả lời được các câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - Không trình bày được các nội dung của đề tài - Hình thức trình bày Slide không hợp lý, cầu thả, đơn điệu. Không có sự tương phản giữa màu chữ và nền. Cỡ chữ quá nhỏ - Chưa trả lời 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			câu hỏi của hội đồng	đồng		của hội đồng	được các câu hỏi của hội đồng	

KHOA KHTN&CN

BỘ MÔN SINH HỌC

GIẢNG VIÊN

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

52. Chuyên đề tốt nghiệp

TÊN HỌC PHẦN: CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP
Mã học phần: KC215598

* **Phương pháp đánh giá:** Báo cáo, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình, thảo luận

* **Công cụ đánh giá:** Phiếu chấm chuyên đề, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
Bố cục, hình thức	C8.	5%	- Bố cục cân đối, đầy đủ các phần, khoa học, phù hợp với lĩnh vực của đề tài. - Trình bày đúng quy cách, ít hoặc không có lỗi định dạng, chính tả...	- Bố cục đầy đủ các phần, khoa học, phù hợp với lĩnh vực của đề tài. - Trình bày đúng quy cách, có một số lỗi định dạng, chính tả...	- Bố cục đầy đủ, các phần sắp xếp chưa khoa học, chưa phù hợp với đề tài. - Trình bày vẫn còn lỗi về quy cách, có nhiều lỗi định dạng,	- Bố cục chưa đầy đủ, các phần sắp xếp chưa khoa học, chưa phù hợp với đề tài. - Trình bày có nhiều lỗi về quy cách, có nhiều	- Bố cục chưa đầy đủ, thiếu những phần quan trọng của đề tài. Các phần sắp xếp chưa khoa học, chưa phù hợp với đề tài. - Trình bày chưa đúng quy cách, có nhiều lỗi về định	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
					chính tả...	lỗi định dạng, chính tả	dạng và chính tả	
Tổng quan tài liệu/Cơ sở lý luận	C5.	20%	- Nội dung của phần tổng quan tài liệu đầy đủ, khoa học, bám sát với vấn đề nghiên cứu, có cơ sở lý luận rõ ràng.	- Nội dung của phần tổng quan tài liệu khá đầy đủ, bám sát với nội dung đề tài, tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở lý luận chưa rõ ràng	- Nội dung của phần tài liệu tổng quan chưa đầy đủ, chưa thực sự bám sát với vấn đề nghiên cứu. Một số cơ sở lý luận chưa rõ ràng	- Nội dung của phần tổng quan tài liệu chưa phù hợp với đề tài. Chưa đầy đủ các cơ sở lý luận	- Tổng quan tài liệu chưa phù hợp với đề tài. Có ít hoặc không có cơ sở lý luận.	
Phương pháp	C6.	20%	- Phương pháp phù hợp với nội dung nghiên cứu. Các phương pháp	-Phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung Các phương	- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung. Một số	- Một số phương pháp chưa phù hợp với nội dung nghiên cứu, chưa	- Phương pháp nghiên cứu không phù hợp với nội dung	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			thông dụng và có tính cập nhật.	pháp thông dụng nhưng chưa có tính cập nhật.	phương pháp chưa có nguồn gốc rõ ràng, chưa có tính cập nhật	có nguồn gốc rõ ràng và chưa có tính cập nhật	nghiên cứu, chưa có nguồn gốc và tính cập nhật	
Kết quả và thảo luận	C5. C10.	50%	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được mục tiêu và nội dung nghiên cứu - Kết quả có độ tin cậy cao, có tính khoa học, trung thực. - Biện luận chặt chẽ, khoa học, súc tích và có so sánh kết quả với 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được mục tiêu và nội dung nghiên cứu. - Kết quả có độ tin cậy, có tính khoa học, trung thực. - Biện luận chặt chẽ, khoa học, súc tích nhưng 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được mục tiêu nghiên cứu - Một số kết quả chưa đủ độ tin cậy. Kết quả có tính khoa học và trung thực. - Biện luận còn dài dòng, chưa so sánh được kết quả nghiên cứu với các nghiên 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được chưa thể hiện đầy đủ mục tiêu nghiên cứu - Một số kết quả chưa đủ độ tin cậy, chưa có tính khoa học, trung thực. - Biện luận chưa chặt chẽ và chưa so sánh được kết quả với các nghiên cứu khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả chưa đạt được mục tiêu nghiên cứu - Kết quả không đủ độ tin cậy, chưa khoa học và trung thực. - Chưa có biện luận và chưa so sánh được kết quả với các 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			các nghiên cứu khác liên quan đến vấn đề nghiên cứu	chưa so sánh được kết quả nghiên cứu với các nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu	cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu	liên quan đến vấn đề nghiên cứu	nghiên cứu khác liên quan đến vấn đề nghiên cứu	
Tài liệu tham khảo	C3	5%	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo phong phú, có tính cập nhật và tổng quát. Sắp xếp theo đúng quy cách - Nguồn gốc tài liệu rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo phong phú, có tính cập nhật và tổng quát. Sắp xếp chưa đúng quy cách - Nguồn gốc tài liệu rõ ràng. - Trích dẫn tài 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo phong phú. Sắp xếp chưa theo đúng quy cách. - Một số tài liệu có nguồn gốc chưa rõ ràng - Trích dẫn tài 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng tài liệu tham khảo ít, sắp xếp chưa theo đúng quy cách - Nhiều tài liệu nguồn gốc chưa rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng tài liệu tham khảo rất ít. - Tài liệu chủ yếu là các website, nguồn gốc không rõ ràng 	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			- Trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ, chính xác và rõ ràng .	liệu tham khảo đầy đủ, một số chỗ chưa chính xác và rõ ràng.	liệu tham khảo chưa đầy đủ, một số chỗ chưa chính xác và rõ ràng.	- Trích dẫn tài liệu tham khảo chưa đầy đủ, nhiều chỗ chưa chính xác và rõ ràng.	- Chưa có trích dẫn tài liệu tham khảo	

KHOA KHTN&CN

BỘ MÔN SINH HỌC

GIẢNG VIÊN

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

53. Thực tập chuyên đề công nghệ thực vật

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP CHUYÊN ĐỀ CÔNG NGHỆ THỰC VẬT

Mã học phần: KC213723

Số tín chỉ: 0/2 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Thí nghiệm thực hành (80%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4	50 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	
2. Hoạt động chuẩn bị bài	H4	50 %	Chuẩn bị ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Chuẩn bị khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 85 % tổng số nội	Chuẩn bị 55 % - 70 % tổng số nội dung yêu cầu	Chuẩn bị 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu	Chuẩn bị nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
				dung yêu cầu			tincần thiết	

2. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H1 H2 H3 H4	50 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			chính xác					
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4	50 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	

3. Rubric đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, Báo cáo thu hoạch và thi vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày báo cáo	H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
2. Nội dung bài báo cáo	H1 H2 H3 H4	50 %	Trình bày đúng \geq 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc hoặc nhưng nội dung không liên quan đến báo cáo	
3. Trả lời câu hỏi	H4	40 %	Trả lời đúng \geq 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. **Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021
KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

54. Thực tập chuyên đề công nghệ vi sinh – sinh hóa

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP CHUYÊN ĐỀ CÔNG NGHỆ VI SINH – SINH HÓA

Mã học phần: KC213724

Số tín chỉ: 0/2 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Thí nghiệm thực hành (20%), Báo cáo kết quả thực hành (60%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubrics chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H5	50 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	
2. Hoạt động chuẩn bị bài	H5	50 %	Chuẩn bị ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Chuẩn bị khá đầy đủ nội dung yêu cầu, 70 - 85 % tổng số nội	Chuẩn bị 55 % - 70 % tổng số nội dung yêu cầu	Chuẩn bị 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu	Chuẩn bị nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
				dung yêu cầu			tincần thiết	

2. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo khoa học đầy đủ

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	3

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			được số liệu chính xác	lúng túng và chậm	xác			
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4 H5	30 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Báo cáo khoa học đầy đủ	H5	40 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - $< 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - $< 70\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng $< 55\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến báo cáo	

3. Rubric đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kỹ năng trình bày	H5	10 %	Rõ ràng, mạch lạc, tự tin.	Rõ ràng, tự tin nhưng chưa mạch lạc	Áp úng, thiếu tự tin	Chưa rõ ràng, còn lúng túng, thiếu tự tin	Không trình bày được	
2. Kiến thức/Lý thuyết	H1 H2 H3 H4 H5	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Trả lời câu hỏi	H1 H2 H3 H4	20 %	Trả lời đúng $\geq 85\%$ số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021
KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Trịnh Thị Huyền Trang

55. Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật

TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG BẢO VỆ THỰC VẬT

Mã học phần: KC213016

Số tín chỉ: 1.5/0.5 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Bài tập nhóm (30%), Thí nghiệm thực hành (30%), Bài kiểm tra định kỳ (20%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubric chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H4	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H4	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric báo cáo bài tập nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ,	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H4	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

3. Rubric đánh giá trình bày thực hành phòng thí nghiệm

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài báo cáo thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	H1 H2 H3 H4	40 %	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			chính xác					
2. Kết quả TN	H1 H2 H3 H4	40 %	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
3. Trả lời câu hỏi	H4 H5	20 %	Trả lời đúng ≥ 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 70 - < 85 % số câu hỏi	Trả lời đúng 55 - 70 % số câu hỏi	Trả lời đúng 40 % - < 55 % số câu hỏi	Trả lời đúng < 40 % số câu hỏi	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1 H2 H3 H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70 %	Trình bày đúng $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - $< 85\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - $< 70\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày đúng $< 55\%$ nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nhưng nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H4 H5	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1.Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3 H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở lên theo đáp án	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% đến dưới 84% theo đáp án	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% dưới 70% theo đáp án	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55% theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	
2.Giải thích một số vấn đề liên quan	H4 H5	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3.Hình thức trình bày	H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc,bố cục không rõ ràng;	Cẩu thả, không có bố cục cụ thể	

Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số **8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS.Trịnh Thị Huyền Trang

56. Nuôi cấy tế bào động vật

TÊN HỌC PHẦN: NUÔI CẤY TẾ BÀO ĐỘNG VẬT

Mã học phần: KC213515

Số tín chỉ: 2/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (20%), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kì (50%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. Rubric chuyên cần

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1 H2 H3	70 %	Tham gia đầy đủ số tiết	Vắng học < 20 % tổng số tiết	Vắng học từ 20 – < 40 % tổng số tiết	Vắng học từ 40 – < 60 % tổng số tiết	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H3	30 %	Rất tích cực phát biểu trên 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác	Không bao giờ phát biểu	

2. Rubric bài tập cá nhân

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài viết

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Trả lời các nội dung kiến thức theo yêu cầu của bài tập	H1 H2 H3	80%	Trả lời đạt 85%–100% các nội dung bài tập	Trả lời đạt 70% - 84% các nội dung bài tập	Trả lời đạt 55%–69% các nội dung bài tập	Trả lời đạt 40% - 54% các nội dung bài tập	Trả lời đạt < 40% các nội dung bài tập .	
2. Cách trình bày	H3	10%	Trình bày logic, rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, vẫn rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày thiếu logic, thiếu rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày lộn xộn, thiếu rõ ràng, khó hiểu	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, khó hiểu.	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
3. Lỗi chính tả	H3	10%	Không mắc lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; chữ không mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc một số lỗi chính tả; một số chữ bị mất nét, mất dấu; không viết sai các từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai một vài từ chuyên môn	Mắc nhiều lỗi chính tả; nhiều chữ bị mất nét, mất dấu; viết sai nhiều từ chuyên môn	

3. Rubric báo cáo bài tập nhóm

* Phương pháp đánh giá: Sản phẩm của nhóm, PP quan sát, pp đánh giá thuyết trình

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H3	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục khá hợp lý, chữ nhỏ,	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1 H2 H3	30 %	Trình bày ≥ 85 % nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70 % - < 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55 % - < 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40 % - < 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết	
3. Kỹ năng trình bày	H3	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H3	30 %	Trả lời được ≥ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H3	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo	

4. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết giữa kỳ/bài kiểm tra điểm bộ phận

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Hình thức trình bày	H3	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
2. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - < 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - < 70 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 55 % nội dung yêu cầu	Trình bày sai nội dung hoặc nội dung không liên quan đến câu hỏi	
3. Giải thích một số vấn đề liên quan đến câu hỏi	H3	20 %	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu /minh chứng	Không giải thích được một số vấn đề liên quan	

5. Rubric đánh giá bài thi viết (đánh giá tổng kết/ thi kết thúc học phần)

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
1. Kiến thức cơ bản	H1 H2 H3	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 85% trở	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70%	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55%	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu từ 40% dưới 55%	Không diễn đạt được, thiếu thông tin, thiếu dẫn liệu	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	0 – 4,0	
			lên theo đáp án	đến dưới 84% theo đáp án	dưới 70% theo đáp án	theo đáp án		
2.Giải thích một số vấn đề liên quan	H3	20%	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học	Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3.Hình thức trình bày	H3	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả, không có bố cục cụ thể	

Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số **8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021
KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS.Trịnh Thị Huyền Trang

57. Vi sinh môi trường

TÊN HỌC PHẦN: VI SINH MÔI TRƯỜNG

Mã học phần: KC213526

Số tín chỉ: 2/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (40%), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (30%)
- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
<i>1. Thời gian tham dự trên lớp</i>	H5	60%	Tham gia đầy đủ số tiết.	Vắng học <20% tổng số tiết.	Vắng học từ 20%<40% tổng số tiết.	Vắng học từ 40%<60% tổng số tiết.	Vắng học ≥ 60% tổng số tiết.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
2.Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Rất tích cực phát biểu ≥ 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo.	Tích cực phát biểu đúng từ 2-3 lần.	Phát biểu đúng từ 1-2 lần.	Phát biểu đúng từ 1-2 lần nhưng không chính xác.	Không bao giờ phát biểu.	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4, H5	40%	Nội dung đáp ứng 85%-100% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 70%-84% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 55%-69% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng 40%-54% yêu cầu của chủ đề.	Nội dung đáp ứng dưới 40% yêu cầu của chủ đề.	
2. Kỹ năng trình bày	H4, H5	20%	- Trình bày phong phú hơn yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, lời cuốn, tương tác tốt với người nghe. - Làm chủ thời gian, linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	- Trình bày đầy đủ theo yêu cầu, logic, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng lưu loát, tương tác tốt với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định nhưng chưa linh hoạt.	- Trình bày còn một số thiếu sót, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa lưu loát, có tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày đúng quy định.	- Trình bày chưa đầy đủ, chưa ngắn gọn, dễ hiểu. - Phát âm còn một số từ chưa rõ, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 10% so với quy định.	- Trình bày chưa đầy đủ, chưa logic, gây khó hiểu. - Giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng, chưa tương tác với người nghe. - Thời gian trình bày quá 20% so với quy định.	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
3. Hình thức bài báo cáo	H4, H5	20%	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng, đẹp.	Trình bày đủ nội dung, bố cục hợp lí, rõ ràng nhưng chưa đẹp.	Trình bày đủ nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày còn thiếu nội dung, rõ ràng nhưng bố cục chưa hợp lí, chưa đẹp.	Trình bày sơ sài, chưa rõ ràng, chưa hợp lí và chưa đẹp.	
4. Kỹ năng làm việc nhóm	H4	20%	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong kh báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm có phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Nhiệm vụ các thành viên chưa đồng đều, cụ thể. - Nhóm ít phối hợp hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời câu hỏi.	- Chỉ một/một số thành viên thực hiện nhiệm vụ. - Chưa thể hiện sự kết nối trong nhóm.	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	

Tiêu chí đánh giá	CĐR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H4	10%	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác.	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác.	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50%-60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50%.	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4, H5	90%	Trình bày đúng ≥ 85% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70%-84% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55%-69% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 40%-54% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40% nội dung yêu cầu	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

Rubric đánh giá bài thi viết kết thúc học phần

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	
Kiến thức cơ bản;	H1,H2	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu $\geq 85\%$ theo đáp án.	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70%-84% theo đáp án.	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55%-69% theo đáp án.	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40%-% theo đáp án.	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu.	
Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H3,H5	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học.	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng.	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan.	
Hình thức trình bày	H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc.	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ.	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ.	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng.	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể.	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5-6,9	4,0-5,4	< 4,0	

Ngày ... tháng ... năm 2021
Giảng viên xây dựng Rubrics

Trưởng khoa
(biên soạn)

Trưởng Bộ môn
(biên soạn)

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

TS. Đoàn Chiến Thắng

58. Côn trùng học và ứng dụng

TÊN HỌC PHẦN: CÔN TRÙNG HỌC VÀ ỨNG DỤNG

Mã học phần: KC213719

Số tín chỉ: 02 (2/0)

1. RUBRICS ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, PP hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp)

Tiêu chí đánh giá	CĐR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Mức tham dự độ theo TKB	H1, H2, H4	50%	Tham dự > 90% buổi học.	Tham dự 80- 90% buổi học.	Tham dự 70- 80% buổi học.	Tham dự <70% buổi học.	
2. Mức độ tham gia các hoạt động học tập	H1, H2, H4	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi.	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi.	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

2. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp đánh giá sản phẩm

* Công cụ/ hoạt động đánh giá: Báo cáo

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H2, H3	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Rõ, không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Không lỗi chính tả, đúng mẫu.	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả, không đúng mẫu.	
2. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H3	20%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe.	Nói rõ, tự tin.	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe.	
3. Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	H1, H2, H3	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu.	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu.	Đáp ứng 50%- 70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi.	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi.	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi.	
5. Tham gia thực hiện	H1, H2, H3	10%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	

3. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI KIỂM TRA-VIẾT-GIỮA KỲ/BÀI KIỂM TRA ĐIỂM BỘ PHẬN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	
1. Trình bày	H1, H2, H3	20%	Đẹp, súc tích, không lỗi chính tả.	Khá đẹp, khá súc tích, có 1-2 lỗi chính tả, mô tả kết quả chưa rõ ràng.	Tương đối súc tích Còn lỗi chính tả, không mô tả được kết quả bài toán.	Nhiều lỗi chính tả, không súc tích, không đáp ứng yêu cầu tối thiểu.	
2. Lập luận	H1, H2, H3, H4	40%	Lập luận logic.	Lập luận logic, chưa đầy đủ.	Có lập luận, chưa logic.	Lập luận sai, không lập luận.	
3. Kết quả bài kiểm tra	H1, H2, H3, H4	40%	Kết quả đúng, đầy đủ.	Kết quả đúng đến 85%.	Kết quả đúng đến 70%.	Kết quả dưới 40%.	

4. RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT (ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT/ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN)

* Phương pháp đánh giá: PP kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết

Tiêu chí đánh giá	CDR HP	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8,5	8,4 – 7.0	6,9 – 5.0	4,9 – 0.0	

Nội dung trả lời	H1, H2, H3, H4	100%	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu.	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu.	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	
------------------	-------------------	------	--------------------------------	-------------------------------	-------------------------------	------------------------------	--

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số **8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết.

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 08 năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRICS

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

Bùi Thị Quỳnh Hoa

59. Chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực CNSH

TÊN HỌC PHẦN: CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG LĨNH VỰC CNSH

Mã học phần: KC212720

Số tín chỉ: 2/0 (LT/TH)

CÁC HÌNH THỨC KT – ĐG:

- Điểm bộ phận (30%) gồm: Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (30%, thực hiện theo rubrics số 3), Bài tập nhóm (30%), Bài kiểm tra định kỳ (30%)

- Điểm thi kết thúc HP (70%): Bài kiểm tra kết thúc học phần.

1. RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN

* Phương pháp đánh giá: PP quan sát, pp hỏi – đáp

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm (chuyên cần, phát biểu, tham gia hoạt động trên lớp), rubrics

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Thời gian tham dự trên lớp	H1, H2, H3, H4	60 %	Tham gia \geq 85 % số tiết	Tham gia 70 – 84 % số tiết	Tham gia 55 – 69 % số tiết	Tham gia 40 – 54 % số tiết	Tham gia < 40 % số tiết	
2. Hoạt động tích cực trên lớp (phát biểu xây dựng bài)	H1, H2, H3, H4	40 %	Rất tích cực phát biểu \geq 4 lần, hoàn toàn đúng, có ý kiến đóng góp sáng tạo	Tích cực phát biểu đúng từ 2 – 3 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần	Phát biểu đúng từ 1 – 2 lần <u>nhưng không chính xác</u>	Không bao giờ phát biểu	

2. RUBRIC BÀI TẬP NHÓM

* Phương pháp đánh giá: PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

* Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 – 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức báo cáo	H1, H2, H3, H4	10 %	Bố cục hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục <u>khá</u> hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, <u>khá</u> logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, <u>chưa đúng quy cách trình chiếu</u>	Bố cục thiếu hợp lý, <u>chữ nhỏ</u>	Trình bày cầu thả, đơn điệu	
2. Nội dung báo cáo	H1, H2, H3, H4	30 %	Trình bày $\geq 85\%$ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70% – 84 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55% – 69% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày 40% – 54 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày < 40% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	
3. Kỹ năng trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng <u>ít</u> thuyết phục	Nói nhỏ, chưa tự tin, có giao lưu người nghe <u>nhưng không</u> thuyết phục	<u>Không</u> thuyết phục, <u>không</u> giao lưu với người nghe	
4. Trả lời câu hỏi	H1, H2, H3, H4	30 %	Trả lời được $\geq 85\%$ các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70% – 84% câu hỏi	Trả lời được trên 55% – 69% câu hỏi	Trả lời được 40% – 54% câu hỏi	Trả lời được < 40% câu hỏi	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5 – 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)	H1, H2, H3, H4	20 %	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và <u>chưa</u> phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng <u>chỉ có một thành viên báo cáo</u>	Không thể hiện sự phân công công việc trong nhóm; Chỉ một thành viên báo cáo	

3. RUBRIC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài kiểm tra viết (kết hợp tự luận, trắc nghiệm và trả lời ngắn)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10 %	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, trình bày có logic, các hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn chính xác	Hình thức đẹp, hình vẽ/ sơ đồ chính xác từ 50- 60%.	Hình thức khá đẹp, hình vẽ /sơ đồ chính xác dưới 50 %	Hình thức không đẹp, hình vẽ/sơ đồ hoàn toàn không chính xác	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
2. Kiến thức/lý thuyết	H1, H2, H3, H4	70 %	Trình bày đúng ≥ 85 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 70 - 84% nội dung yêu cầu	Trình bày đúng trên 55 % - 69 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng 40 - 54 % nội dung yêu cầu	Trình bày đúng < 40 % nội dung yêu cầu	
3. Liên hệ thực tiễn	H1, H2, H3, H4	20 %	Liên hệ đúng, giải thích trọn vẹn vấn đề thực tiễn có liên quan, có tính logic cao;	Liên hệ đúng, giải thích được nhưng chưa trọn vẹn vấn đề thực tiễn liên quan	Liên hệ đúng, chưa giải thích được vấn đề thực tiễn liên quan	Chỉ mô tả lại các gợi ý từ bài giảng, không giải thích được mối liên hệ	Không thể chỉ ra các vấn đề thực tiễn liên quan	

4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VIẾT KẾT THÚC HỌC PHẦN

* Phương pháp đánh giá: Phương pháp kiểm tra

* Công cụ đánh giá: Rubrics, bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
1. Kiến thức cơ bản;	H1, H2, H3, H4	70%	Diễn đạt rõ, đầy đủ các nội dung được yêu cầu ≥ 85% theo đáp	Diễn đạt đầy đủ các nội dung được yêu cầu từ 70% - 84% theo đáp án;	Diễn đạt được các nội dung được yêu cầu từ 55% - 69% theo đáp án;	Diễn đạt các nội dung được yêu cầu 40% - 54% theo đáp án;	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu;	

Tiêu chí đánh giá	CDR học phần	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình yếu	Kém	
			8,5-10	7-8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0	
			án;					
2. Vận dụng, liên hệ thực tiễn;	H1, H2, H3, H4	20%	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan trọn vẹn/có tính sáng tạo;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan cơ bản/đủ dẫn liệu, mạch lạc;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan theo các gợi ý có sẵn tại lớp học;	Vận dụng giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan chưa đầy đủ, thiếu dẫn liệu/minh chứng;	Không vận dụng giải thích được một số vấn đề liên quan;	
3. Hình thức trình bày	H1, H2, H3, H4	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ;	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng;	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể;	

* Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo mục số **8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần** của đề cương chi tiết

Đắk Lắk, ngàytháng ... năm 2021

KHOA KHTN & CN

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG RUBRIC

TS. Phạm Hữu Khánh

TS. Trần Thị Phương Hạnh

ThS. Nguyễn Minh Trung